

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH  
TRƯỜNG TIỂU HỌC VĨNH LỘC 1

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH  
**TRƯỜNG TIỂU HỌC VĨNH LỘC 1**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

| TT | Họ và tên             | Chức danh,<br>chức vụ                 | Nhiệm vụ                 | Chữ ký |
|----|-----------------------|---------------------------------------|--------------------------|--------|
| 01 | Phan Văn Cư           | Hiệu trưởng,<br>Bí thư Chi bộ         | Chủ tịch<br>Hội đồng     |        |
| 02 | La Chí Thanh          | Phó hiệu trưởng,<br>Phó Bí thư Chi bộ | Phó Chủ tịch<br>Hội đồng |        |
| 03 | Phan Văn Quý          | Phó hiệu trưởng                       | Phó Chủ tịch<br>Hội đồng |        |
| 04 | Nguyễn Thị Minh Trang | Giáo viên                             | Thư ký<br>Hội đồng       |        |
| 05 | Phan Thị Thanh Xuân   | Chủ tịch<br>Công đoàn                 | Ủy viên<br>Hội đồng      |        |
| 06 | Hứa Thị Thùy Linh     | Bí thư Chi đoàn                       | Ủy viên<br>Hội đồng      |        |
| 07 | Lê Sỹ Chung           | Tổng phụ trách<br>Đội                 | Ủy viên<br>Hội đồng      |        |

| TT | Họ và tên            | Chức danh,<br>chức vụ             | Nhiệm vụ            | Chữ ký |
|----|----------------------|-----------------------------------|---------------------|--------|
| 08 | Nguyễn Văn Hồng      | Trưởng ban<br>Thanh tra nhân dân  | Ủy viên<br>Hội đồng |        |
| 09 | Phan Ngọc Nương      | Tổ trưởng<br>chuyên môn Tổ 1      | Ủy viên<br>Hội đồng |        |
| 10 | Cao Thị Phương       | Tổ trưởng<br>chuyên môn Tổ 2      | Ủy viên<br>Hội đồng |        |
| 11 | Phan Thị Ngọc Dung   | Tổ trưởng<br>chuyên môn Tổ 3      | Ủy viên<br>Hội đồng |        |
| 12 | Lâm Thị Mỹ Linh      | Tổ trưởng<br>chuyên môn Tổ 4      | Ủy viên<br>Hội đồng |        |
| 13 | Lê Thị Hoa           | Tổ trưởng<br>chuyên môn Tổ 5      | Ủy viên<br>Hội đồng |        |
| 14 | Đặng Thị Hương       | Tổ trưởng chuyên<br>môn Tổ bộ môn | Ủy viên<br>Hội đồng |        |
| 15 | Nguyễn Thị Cẩm Nhung | Tổ trưởng<br>Tổ văn phòng         | Ủy viên<br>Hội đồng |        |

## MỤC LỤC

| NỘI DUNG                                                                                    | Trang |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| Mục lục                                                                                     | 1     |
| Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá                                                           | 4     |
| <b>Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU</b>                                                                | 6     |
| <b>Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>                                                                 | 12    |
| <b>A. ĐẶT VẤN ĐỀ</b>                                                                        | 12    |
| <b>B. TỰ ĐÁNH GIÁ</b>                                                                       | 15    |
| <b>Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường</b>                                          | 15    |
| <b>Mở đầu</b>                                                                               | 15    |
| Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường                    | 15    |
| Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với tư thục) và các hội đồng khác      | 17    |
| Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường | 20    |
| Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng                   | 23    |
| Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học                                                   | 26    |
| Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản                                      | 27    |
| Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên                                        | 30    |
| Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục                                                | 32    |
| Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở                                               | 33    |
| Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học                                  | 35    |

|                                                                                                              |    |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| <b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i></b>                                                                       | 38 |
| <b>Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh</b>                                          | 38 |
| <b>Mở đầu</b>                                                                                                | 38 |
| Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng                                                           | 39 |
| Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên                                                                              | 41 |
| Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên                                                                              | 43 |
| Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh                                                                               | 45 |
| <b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i></b>                                                                       | 47 |
| <b>Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học</b>                                                      | 48 |
| <b>Mở đầu</b>                                                                                                | 48 |
| Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập                                                                  | 49 |
| Tiêu chí 3.2: Phòng học                                                                                      | 50 |
| Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối hành chính - quản trị                                       | 52 |
| Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước                                                           | 54 |
| Tiêu chí 3.5: Thiết bị                                                                                       | 56 |
| Tiêu chí 3.6: Thư viện                                                                                       | 58 |
| <b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i></b>                                                                       | 60 |
| <b>Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội</b>                                             | 61 |
| <b>Mở đầu</b>                                                                                                | 61 |
| Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh                                                                   | 62 |
| Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường | 64 |
| <b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i></b>                                                                       | 66 |

|                                                                      |           |
|----------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục</b>          | <b>67</b> |
| <b>Mở đầu</b>                                                        | <b>67</b> |
| Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường                       | 67        |
| Tiêu chí 5.2: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học | 69        |
| Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác                  | 72        |
| Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học                     | 74        |
| Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục                                       | 76        |
| <b><i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i></b>                               | <b>78</b> |
| <b>Phần III. KẾT LUẬN CHUNG</b>                                      | <b>79</b> |
| <b>Phần IV. PHỤ LỤC</b>                                              |           |

## TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

### 1. Kết quả đánh giá

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Kết quả   |       |       |       |
|-------------------------|-----------|-------|-------|-------|
|                         | Không đạt | Đạt   |       |       |
|                         |           | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 1.1            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 1.2            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 1.3            |           | X     | X     | X     |
| Tiêu chí 1.4            |           | X     | X     | X     |
| Tiêu chí 1.5            |           | X     |       |       |
| Tiêu chí 1.6            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 1.7            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 1.8            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 1.9            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 1.10           |           | X     | X     |       |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 2.1            |           | X     | X     | X     |
| Tiêu chí 2.2            |           | X     | X     | X     |
| Tiêu chí 2.3            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 2.4            |           | X     | X     | X     |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 3.1            |           | X     |       |       |
| Tiêu chí 3.2            |           | X     |       |       |
| Tiêu chí 3.3            |           | X     |       |       |
| Tiêu chí 3.4            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 3.5            |           | X     | X     | X     |
| Tiêu chí 3.6            |           | X     | X     | X     |

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Kết quả   |       |       |       |
|-------------------------|-----------|-------|-------|-------|
|                         | Không đạt | Đạt   |       |       |
|                         |           | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 4.1            |           | X     | X     | X     |
| Tiêu chí 4.2            |           | X     | X     |       |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b>     |           |       |       |       |
| Tiêu chí 5.1            |           | X     | X     |       |
| Tiêu chí 5.2            |           | X     | X     | X     |
| Tiêu chí 5.3            |           | X     | X     | X     |
| Tiêu chí 5.4            |           | X     | X     | X     |
| Tiêu chí 5.5            |           | X     | X     | X     |

**Kết quả:** đạt Mức 1.

**2. Kết luận:** Trường đạt Mức 1.

**Phần I**  
**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường: Trường Tiểu học Vĩnh Lộc 1

Tên trước đây: Không

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh

|                                |             |                              |                                                                         |
|--------------------------------|-------------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| Thành phố                      | Hồ Chí Minh | Họ và tên hiệu trưởng        | Phan Văn Cư                                                             |
| Huyện                          | Bình Chánh  | Điện thoại                   | (028) 37650712                                                          |
| Xã                             | Vĩnh Lộc A  | Fax                          | Không                                                                   |
| Đạt chuẩn quốc gia             | Không       | Website                      | <a href="http://thvinhloc1.hcm.edu.vn">http://thvinhloc1.hcm.edu.vn</a> |
| Năm thành lập                  | 1994        | Số điểm trường               | 01                                                                      |
| Công lập                       | X           | Loại hình khác               | Không                                                                   |
| Tư thục                        | Không       | Thuộc vùng khó khăn          | Không                                                                   |
| Trường chuyên biệt             | Không       | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | Không                                                                   |
| Trường liên kết với nước ngoài | Không       |                              |                                                                         |

**1. Số lớp học**

| Số lớp      | Năm học<br>2019-2020 | Năm học<br>2020-2021 | Năm học<br>2021-2022 | Năm học<br>2022-2023 | Năm học<br>2023-2024 |
|-------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Khối lớp 1  | 04                   | 04                   | 06                   | 09                   | 07                   |
| Khối lớp 2  | 07                   | 04                   | 04                   | 06                   | 09                   |
| Khối lớp 3  | 10                   | 07                   | 04                   | 05                   | 06                   |
| Khối lớp 4  | 07                   | 10                   | 07                   | 05                   | 05                   |
| Khối lớp 5  | 04                   | 07                   | 09                   | 07                   | 05                   |
| <b>Cộng</b> | <b>32</b>            | <b>32</b>            | <b>30</b>            | <b>302</b>           | <b>32</b>            |

## 2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

| TT  | Số liệu                                             | Năm học<br>2019-<br>2020 | Năm học<br>2020-<br>2021 | Năm học<br>2021-<br>2022 | Năm học<br>2022-<br>2023 | Năm học<br>2023-<br>2024 | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|---------|
| I   | Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập | 19                       | 19                       | 19                       | 19                       | 19                       |         |
| 1   | Phòng học                                           | 16                       | 16                       | 16                       | 16                       | 16                       |         |
| a   | Phòng kiên cố                                       | 12                       | 12                       | 12                       | 12                       | 12                       |         |
| b   | Phòng bán kiên cố                                   | 04                       | 04                       | 04                       | 04                       | 04                       |         |
| c   | Phòng tạm                                           | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       |         |
| 2   | Phòng học bộ môn                                    | 01                       | 01                       | 01                       | 01                       | 01                       |         |
| a   | Phòng kiên cố                                       | 01                       | 01                       | 01                       | 01                       | 01                       |         |
| b   | Phòng bán kiên cố                                   | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       |         |
| c   | Phòng tạm                                           | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       |         |
| 3   | Khối phục vụ học tập                                | 02                       | 02                       | 02                       | 02                       | 02                       |         |
| a   | Phòng kiên cố                                       | 02                       | 02                       | 02                       | 02                       | 02                       |         |
| b   | Phòng bán kiên cố                                   | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       |         |
| c   | Phòng tạm                                           | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       |         |
| II  | Khối phòng hành chính - quản trị                    | 04                       | 04                       | 04                       | 04                       | 04                       |         |
| 1   | Phòng kiên cố                                       | 03                       | 03                       | 03                       | 03                       | 03                       |         |
| 2   | Phòng bán kiên cố                                   | 01                       | 01                       | 01                       | 01                       | 01                       |         |
| 3   | Phòng tạm                                           | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       |         |
| III | Thư viện                                            | 01                       | 01                       | 01                       | 01                       | 01                       |         |
| IV  | Các công trình, khối phòng chức năng khác           | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       |         |
|     | <b>Cộng</b>                                         | <b>24</b>                | <b>24</b>                | <b>24</b>                | <b>24</b>                | <b>24</b>                |         |

### 3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 6 năm 2024

|                 | <b>Tổng số</b> | <b>Nữ</b> | <b>Dân tộc</b> | <b>Trình độ đào tạo</b> |                  |                   | <b>Ghi chú</b> |
|-----------------|----------------|-----------|----------------|-------------------------|------------------|-------------------|----------------|
|                 |                |           |                | <i>Chưa đạt chuẩn</i>   | <i>Đạt chuẩn</i> | <i>Trên chuẩn</i> |                |
| Hiệu trưởng     | 01             | 00        | 00             | 00                      | 00               | 01                |                |
| Phó hiệu trưởng | 02             | 00        | 01             | 00                      | 02               | 00                |                |
| Giáo viên       | 38             | 29        | 01             | 00                      | 38               | 00                |                |
| Nhân viên       | 10             | 07        | 00             | 06                      | 04               | 00                |                |
| <b>Cộng</b>     | <b>51</b>      | <b>36</b> | <b>02</b>      | <b>07</b>               | <b>44</b>        | <b>01</b>         |                |

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

| <b>TT</b> | <b>Số liệu</b>                                      | <b>Năm học 2017-2018</b> | <b>Năm học 2018-2019</b> | <b>Năm học 2019-2020</b> | <b>Năm học 2020-2021</b> | <b>Năm học 2021-2022</b> |
|-----------|-----------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 1         | Tổng số giáo viên                                   | 38                       | 37                       | 37                       | 38                       | 38                       |
| 2         | Tỷ lệ giáo viên/lớp                                 | 1,18                     | 1,23                     | 1,18                     | 1,18                     | 1,18                     |
| 3         | Tỷ lệ giáo viên/học sinh                            | 0,025                    | 0,026                    | 0,025                    | 0,025                    | 0,025                    |
| 4         | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện và tương đương | 02                       | 02                       | 05                       | 02                       | 02                       |
| 5         | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên         | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       |
| 6         | Các số liệu khác                                    | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       |

#### 4. Học sinh

##### a) Số liệu chung

| TT | Số liệu                                 | Năm học<br>2019-<br>2020 | Năm học<br>2020-<br>2021 | Năm học<br>2021-<br>2022 | Năm học<br>2022-<br>2023 | Năm học<br>2023-<br>2024 | Ghi<br>chú |
|----|-----------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|------------|
| 1  | Tổng số học sinh                        | 1285                     | 1271                     | 1229                     | 1253                     | 1278                     |            |
|    | - Nữ                                    | 595                      | 583                      | 564                      | 606                      | 631                      |            |
|    | - Dân tộc thiểu số                      | 30                       | 35                       | 33                       | 35                       | 33                       |            |
|    | - Khối lớp 1                            | 170                      | 176                      | 242                      | 364                      | 281                      |            |
|    | - Khối lớp 2                            | 276                      | 179                      | 172                      | 258                      | 352                      |            |
|    | - Khối lớp 3                            | 379                      | 271                      | 182                      | 179                      | 259                      |            |
|    | - Khối lớp 4                            | 283                      | 372                      | 273                      | 197                      | 186                      |            |
|    | - Khối lớp 5                            | 177                      | 273                      | 360                      | 255                      | 200                      |            |
| 2  | Tổng số tuyển mới                       | 170                      | 176                      | 242                      | 364                      | 281                      |            |
| 3  | Học 01 buổi/ngày                        | 1285                     | 1271                     | 1229                     | 1253                     | 1278                     |            |
| 4  | Học 02 buổi/ngày                        | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       |            |
| 5  | Bán trú                                 | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       |            |
| 6  | Nội trú                                 | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       |            |
| 7  | Bình quân số học sinh/lớp học           | 40,16                    | 39,71                    | 40,96                    | 39,16                    | 39,94                    |            |
| 8  | Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi | 1226/1285<br>95,40%      | 1231/1271<br>96,85%      | 1184/1229<br>96,41%      | 1197/1253<br>95,5%       | 1232/1278<br>96,4%       |            |

| TT | Số liệu                                              | Năm học<br>2019-<br>2020 | Năm học<br>2020-<br>2021 | Năm học<br>2021-<br>2022 | Năm học<br>2022-<br>2023 | Năm học<br>2023-<br>2024 | Ghi<br>chú |
|----|------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|------------|
|    | - Nữ                                                 | 749                      | 602                      | 579                      | 606                      | 631                      |            |
|    | - Dân tộc                                            | 20                       | 16                       | 17                       | 15                       | 16                       |            |
| 9  | Tổng số học<br>sinh giỏi cấp<br>huyện/tỉnh           | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       |            |
| 10 | Tổng số học<br>sinh giỏi<br>quốc gia                 | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       |            |
| 11 | Tổng số học<br>sinh thuộc<br>đối tượng<br>chính sách | 05                       | 04                       | 04                       | 05                       | 05                       |            |
|    | - Nữ                                                 | 03                       | 02                       | 02                       | 03                       | 03                       |            |
|    | - Dân tộc<br>thiểu số                                | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       |            |
| 12 | Tổng số học<br>sinh có hoàn<br>cảnh đặc biệt         | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       |            |
| 13 | Khuyết tật                                           | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       | 00                       |            |
| 14 | Lưu ban                                              | 22                       | 16                       | 14                       | 14                       | 16                       |            |

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục (đối với tiểu học)

| <b>Số liệu</b>                                                    | <b>Năm học<br/>2019-<br/>2020</b> | <b>Năm học<br/>2020-<br/>2021</b> | <b>Năm học<br/>2021-<br/>2022</b> | <b>Năm học<br/>2022-<br/>2023</b> | <b>Năm học<br/>2023-<br/>2024</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|----------------|
| Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 | 100%                              | 100%                              | 100%                              | 100%                              | 100%                              |                |
| Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học                    | 98,26%                            | 98,78%                            | 98,92%                            | 98,60%                            | 97,67%                            |                |
| Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học           | 97,88%                            | 96,96%                            | 97,60%                            | 97,01%                            | 96,05%                            |                |
| Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học         | 100%                              | 100%                              | 100%                              | 100%                              | 100%                              |                |

**5. Các số liệu khác:** Không có

## **Phần II**

### **TỰ ĐÁNH GIÁ**

#### **A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

##### **1. Tình hình chung của nhà trường**

Trường Tiểu học Vĩnh Lộc 1 được thành lập theo Quyết định số 623/QĐ-UB ngày 07 tháng 7 năm 1994 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh.

Trường tọa lạc tại địa chỉ A2/18, Ấp 1, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Trường có tổng diện tích 1525 m<sup>2</sup> gồm 02 dãy phòng học. Dãy phòng học mới sửa chữa có 12 phòng, dãy phòng học cũ có 04 phòng và 06 phòng chức năng.

Năm học 2023-2024, trường có 32 lớp với 1278 học sinh. Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên là 52 người.

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bình Chánh, cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân xã Vĩnh Lộc A. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đoàn kết, phấn đấu vì nhiệm vụ chung. Chi bộ Đảng nhà trường luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, có khả năng tập hợp quần chúng. Các đoàn thể hoạt động tốt, hỗ trợ đắc lực cho mọi hoạt động của nhà trường. Nhà trường luôn nâng cao ý thức, phát huy vai trò tham mưu với cấp ủy chính quyền địa phương đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục. Các ban ngành đoàn thể địa phương luôn quan tâm hỗ trợ về mọi mặt. Ban đại diện cha mẹ học sinh nhiệt tình, phối hợp tốt với nhà trường trong việc giáo dục học sinh.

Trong quá trình hình thành và phát triển, tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường đã không ngừng phấn đấu, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Từ năm học 2009-2010 cho đến thời điểm đánh giá trường liên tục đạt danh hiệu Tập thể Lao động Xuất sắc. Năm học 2012-2013 trường được nhận bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường được Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh tặng giấy khen đơn vị có thành tích tiêu biểu trong các phong trào thi đua

trên địa bàn huyện theo Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh. Trường được Bảo hiểm Xã hội Việt Nam tặng bằng khen đơn vị thực hiện tốt công tác Bảo hiểm Y tế học sinh năm 2017. Chất lượng giáo dục của trường ngày càng được nâng lên, tạo được thương hiệu và uy tín trong phụ huynh học sinh, là nơi đào tạo học sinh thành những con người phát triển theo hướng toàn diện, mạnh về thể chất, phát triển về trí lực, có đủ kỹ năng sống và tự tin xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ hội nhập; tạo dựng một môi trường học tập thân thiện, hiện đại, văn minh, có kỷ cương, tình thương, trách nhiệm, có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển nhân cách tốt, là những con người năng động, hiểu biết và có kiến thức để sáng tạo, thích ứng với cộng đồng và hướng tới trở thành công dân tốt.

Để duy trì phong trào và chất lượng năm sau cao hơn năm trước, trường luôn cải tiến phương pháp quản lý chỉ đạo và tìm giải pháp hữu ích sao cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ cụ thể theo từng thời điểm. Cải tiến phương pháp giảng dạy; thường xuyên tổ chức các chuyên đề đổi mới phương pháp giảng dạy, tổ chức tập huấn chuyên đề vận dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy (sử dụng bảng tương tác thông minh) giúp giáo viên nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tạo hứng thú cho học sinh trong học tập, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh. Thực hiện tốt các hội thi cấp trường và luôn động viên, tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh tham gia các hội thi do trường, huyện và ngành tổ chức đạt hiệu quả cao.

Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ năm học của ngành. Ban giám hiệu nhiệt tình, năng động trong công tác, có năng lực quản lý, luôn quan tâm sâu sát, chỉ đạo kịp thời, có kế hoạch cụ thể cho từng công việc và có biện pháp thực hiện rõ ràng, xây dựng khối đoàn kết, thực hiện công khai dân chủ, mọi thành viên cùng biết, cùng làm, thực hiện đúng chế độ chính sách, khen thưởng, kỷ luật phân minh, không để hiện tượng bè phái, cục bộ. Đội ngũ giáo viên nhiệt tình, năng nổ, sáng tạo, có tinh thần

trách nhiệm trong công tác tạo được uy tín, niềm tin đối với cha mẹ học sinh và học sinh.

## **2. Mục đích tự đánh giá**

Tự đánh giá kiểm định chất lượng nhằm giúp nhà trường xác định điểm mạnh, điểm yếu, mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn. Qua đó, nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục nhằm thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá và công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

## **3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá**

Hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục Trường Tiểu học Vĩnh Lộc 1 được thành lập theo Quyết định số 243/QĐ-VL1 ngày 15 tháng 5 năm 2024 gồm 15 thành viên được phân công theo nhóm, thực hiện nhiệm vụ thu thập, xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng, đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí và viết phiếu đánh giá; nhóm thư ký có trách nhiệm kiểm tra, chọn lọc, mã hóa các thông tin minh chứng, đồng thời giúp chủ tịch hội đồng rà soát, hoàn chỉnh các phiếu đánh giá và tập hợp thành báo cáo tự đánh giá của nhà trường.

Hội đồng tự đánh giá nhà trường đã xây dựng và thực hiện kế hoạch tự đánh giá, đảm bảo đúng các bước và thời gian như sau:

- Ngày 15 tháng 5 năm 2024: Trường thành lập Hội đồng tự đánh giá.
- Từ ngày 15 tháng 5 năm 2024 đến ngày 20 tháng 5 năm 2024: Họp Hội đồng tự đánh giá, thông qua kế hoạch tự đánh giá, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên. Tập huấn nghiệp vụ cho Hội đồng tự đánh giá, phổ biến kế hoạch tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường.
- Từ ngày 01 tháng 6 năm 2024 đến ngày 08 tháng 6 năm 2024: Các nhóm công tác thu thập minh chứng và viết phiếu đánh giá tiêu chí. Mã hoá các minh chứng thu được.
- Từ ngày 10 tháng 6 năm 2024 đến ngày 15 tháng 6 năm 2024: Họp Hội đồng tự đánh giá để thảo luận về những vấn đề nảy sinh từ các minh chứng thu

được và xác định những minh chứng cần thu thập bổ sung. Dự thảo báo cáo tự đánh giá. Chỉnh sửa, bổ sung các nội dung của phiếu đánh giá tiêu chí. Dự thảo báo cáo tự đánh giá.

- Ngày 16 tháng 6 năm 2024 đến ngày 22 tháng 6 năm 2024: Họp Hội đồng tự đánh giá để thông qua báo cáo tự đánh giá. Công bố dự thảo báo cáo tự đánh giá trong nội bộ trường và thu thập các ý kiến đóng góp.

- Ngày 25 tháng 6 năm 2024 đến ngày 28 tháng 8 năm 2024: Họp hội đồng tự đánh giá để thông qua báo cáo tự đánh giá đã sửa chữa. Bổ sung, hoàn thiện các minh chứng.

## **B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

### **Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

#### **Mở đầu:**

Cơ cấu tổ chức và quản lý của trường đúng theo quy định của Điều lệ Trường tiểu học. Trường thành lập đầy đủ các hội đồng: Hội đồng trường, Hội đồng Tư vấn, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng. Các hội đồng có đủ cơ cấu, thực hiện đúng chức năng và quyền hạn theo quy định. Trường có đủ tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và các tổ chức khác hoạt động hiệu quả, phát huy tốt vai trò và chức năng trong các hoạt động.

Trường có 1278 học sinh với 32 lớp, tất cả các lớp đều học 01 buổi/ngày. Trường có đủ giáo viên dạy nhiều môn và giáo viên bộ môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Tin học, Thể dục, Tiếng Anh. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng của trường đáp ứng tốt việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

#### ***Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường***

##### **Mức 1:**

a) *Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

b) *Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

*c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.*

Mức 2:

*Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.*

Mức 3:

*Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường đã xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2026. Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường được xây dựng dựa trên tình hình thực tế của nhà trường. Kế hoạch phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01].

b) Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường được lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bình Chánh phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Nội dung chiến lược phát triển nhà trường được niêm yết tại trường và đăng tải trên trang thông tin điện tử của trường, đồng thời kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường được công bố công khai tại bản tin trường [H1-1.1-02].

Mức 2:

Hiệu trưởng đã đề ra biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện phương hướng, nhiệm vụ nhằm xây dựng và phát triển trường [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04].

Mức 3:

Định kỳ hằng năm, nhà trường chưa tổ chức được các hoạt động có sự tham gia của đầy đủ các thành viên cha mẹ học sinh và cộng đồng để rà soát, bổ

sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường [H1-1.1-04].

## **2. Điểm mạnh**

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định theo Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường.

## **3. Điểm yếu**

Công tác rà soát, đánh giá kết quả và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường chưa có sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng chỉ đạo cho phó hiệu trưởng và các bộ phận đoàn thể tiếp tục tổ chức rà soát theo định kỳ rút ra những ưu, nhược điểm, những việc đã làm được và những việc chưa làm được để bổ sung và điều chỉnh, nhằm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu đã đề ra trong chiến lược. Phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh huy động sự tham gia của cha mẹ học sinh, cộng đồng nhằm hoàn thành kế hoạch chiến lược giai đoạn 2021-2026.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

***Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với tư thục) và các hội đồng khác***

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hội đồng trường nhiệm kì 2021-2026 được thành lập theo Quyết định số 3118/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh bao gồm 11 thành viên. Số lượng và thành phần cơ cấu tổ chức của Hội đồng trường được đảm bảo theo đúng quy định tại Chương II, Điều 10 của Điều lệ Trường tiểu học được ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1.2-01].

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng được hiệu trưởng thành lập vào đầu mỗi năm học. Thành phần của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng gồm có: hiệu trưởng là Chủ tịch Hội đồng và các thành viên hội đồng bao gồm: phó hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn cơ sở, Bí thư chi đoàn, giáo viên Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, tổ trưởng chuyên môn, tổ trưởng văn phòng [H1-1.2-02].

Ngoài Hội đồng trường, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, nhà trường còn thành lập các hội đồng tư vấn như: Hội đồng Tuyển sinh lớp 1, Hội đồng xét duyệt các giải pháp công tác ngành giáo dục,... [H1-1.2-03].

b) Hội đồng trường thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Chương II, Điều 10 của Điều lệ Trường tiểu học. Các hoạt động, kế hoạch, chủ trương của trường đều được các thành viên trong hội đồng thảo luận và thông qua, thể hiện tốt vai trò chỉ đạo, kiểm tra, giám sát đối với tất cả hoạt động của trường [H1-1.2-04]. Các hội đồng khác thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định; tham mưu, đề xuất, giúp việc cho hiệu trưởng trong các công tác có liên quan theo quy định tại Điều 12 của Điều lệ Trường tiểu học [H1-1.2-05].

c) Hoạt động của hội đồng trường được thực hiện đảm bảo theo quy định tại Chương II, Điều 10 của Điều lệ Trường tiểu học. Định kỳ hằng quý, hội đồng tổ chức họp để đánh giá kết quả lãnh đạo việc thực hiện nhiệm vụ của trường; đồng thời triển khai chỉ đạo, lãnh đạo việc thực hiện các nhiệm vụ sắp tới [H1-1.2-01]. Đa số các thành viên đều tham gia đóng góp ý kiến giúp cho hội đồng đưa ra được những quyết nghị chỉ đạo sát sao việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của trường [H1-1.2-04]. Hoạt động của các hội đồng khác cũng được hiệu

trưởng rà soát đánh giá định kỳ theo chức năng, nhiệm vụ được giao [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05].

#### Mức 2:

Hội đồng trường và các Hội đồng khác đã hoàn thành tốt nhiệm vụ. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng hoạt động hiệu quả, thúc đẩy được hoạt động của nhà trường trong các phong trào chuyên môn và qua các hội thi như: Giáo viên dạy Giỏi, Giáo viên Chủ nhiệm giỏi, phong trào thi đua yêu nước và các hội thi của học sinh,... góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.1-04]. Tuy nhiên, một số thành viên trong Hội đồng Tư vấn phải thực hiện nhiệm vụ chính là giáo viên dạy lớp nên việc thực hiện nhiệm vụ được phân công đôi lúc còn hạn chế.

### **2. Điểm mạnh**

Hội đồng trường và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng hoạt động hiệu quả, thúc đẩy được hoạt động của nhà trường trong các phong trào chuyên môn và qua các hội thi như: Giáo viên dạy Giỏi, Giáo viên Chủ nhiệm giỏi, phong trào thi đua yêu nước và các hội thi của học sinh,... góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

### **3. Điểm yếu**

Một số thành viên trong Hội đồng Tư vấn phải thực hiện nhiệm vụ chính là giáo viên dạy lớp nên việc thực hiện nhiệm vụ được phân công đôi lúc còn hạn chế.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2024-2025, nhà trường tiếp tục thực hiện và duy trì tốt hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác dựa trên cơ sở dự nguồn, phân công nhiệm vụ phù hợp năng lực, trình độ và điều kiện hoàn cảnh để mọi cán bộ, giáo viên, nhân viên đều hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Hiệu trưởng nhà trường có phân công phù hợp đối với các thành viên trong Hội đồng trường và các hội đồng khác để tạo điều kiện thuận lợi cho các thành viên này hoạt động hiệu quả.

### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

***Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường***

Mức 1:

*a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;*

*b) Hoạt động theo quy định;*

*c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

*a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.*

Mức 3:

*a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;*

*b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có đầy đủ các đoàn thể và các tổ chức khác theo Điều lệ Trường tiểu học bao gồm: Công đoàn cơ sở của trường có 42 công đoàn viên tham gia sinh hoạt, Ban Chấp hành Công đoàn được Liên đoàn Lao động huyện Bình Chánh chuẩn y theo từng nhiệm kỳ gồm 03 đồng chí [H1-1.3-01]. Chi đoàn có 14 đoàn viên, Ban chấp hành Chi đoàn gồm có bí thư, 01 phó bí thư, 01 ủy viên [H1-1.3-01]; Tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh có 724 đội viên [H1-1.3-03]; có 286 sao Nhi đồng. Chi hội Khuyến học trường Tiểu học Vĩnh Lộc 1 được Hội khuyến học xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh công nhận với tổng số 42 hội viên [H1-1.3-04].

b) Các tổ chức hoạt động theo đúng Điều lệ Trường tiểu học, Điều lệ Công Đoàn, Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Điều lệ Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, có nghị quyết, biên bản họp, quy chế làm việc. Công đoàn, Chi Đoàn, Liên đội và các tổ chức xã hội khác đã thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm và quyền hạn về các mục tiêu, phương hướng và kế hoạch hoạt động giáo dục của nhà trường đồng thời thực hiện giám sát các hoạt động của nhà trường theo Nghị quyết [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06].

Chi hội khuyến học của trường hoạt động đúng theo quy định tại Điều 24 của Điều lệ Trường tiểu học. Chi hội khuyến học hoạt động có hiệu quả, kịp thời giúp đỡ nhiều học sinh có hoàn cảnh khó khăn [H1-1.3-07].

c) Hằng năm, chi bộ trường có tiến hành đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị. Nhà trường triển khai các nội dung, nhiệm vụ trong năm tới trên cơ sở các hướng dẫn của tổ chức cấp trên và tình hình thực tế tại đơn vị. Công tác đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và triển khai các nội dung, nhiệm vụ mới của các tổ chức đoàn thể được thực hiện theo các quy định và hướng dẫn của tổ chức đoàn thể cấp trên [H1-1.3-08].

#### Mức 2:

a) Chi bộ Trường Tiểu học Vĩnh Lộc 1, được thành lập theo quyết định số 307-QĐ/ĐU ngày 20/01/2010 của Bí thư Đảng ủy xã Vĩnh Lộc A [H1-1.3-09]. Chi bộ Trường Tiểu học Vĩnh Lộc 1 trực thuộc Đảng ủy xã Vĩnh Lộc A. Số đảng viên đang sinh hoạt tại chi bộ là 18 đồng chí, Chi uỷ chi bộ có 03 đồng chí [H1-1.3-11]. Chi bộ trường thực hiện việc sinh hoạt định kỳ ít nhất 01 lần/tháng theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam [H1-1.3-10].

Từ năm 2015 đến nay, Chi bộ Trường Tiểu học Vĩnh Lộc 1 luôn được Đảng uỷ xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H1-1.3-11].

b) Công đoàn cơ sở trường tổ chức nhiều hoạt động cho công đoàn viên và tham gia đầy đủ các hoạt động do Công đoàn cấp trên tổ chức như vận động công đoàn viên hiến máu nhân đạo cứu người, tổ chức hoạt động ngày Quốc tế phụ nữ 08/3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10,... [H1-1.3-12].

Chi đoàn và Liên đội trường cũng đã tổ chức nhiều hoạt động cho giáo viên, học sinh như: tổ chức ngày chủ nhật xanh, thực hiện chương trình Nụ cười hồng giúp bạn nghèo đến trường, tham gia tình nguyện chống dịch [H1-1.3-13].

Mức 3:

a) Trong những năm qua, Chi bộ luôn được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ. Năm 2020, Chi bộ được đánh giá Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-14].

b) Hằng năm, các đoàn thể và các tổ chức khác đã đóng góp các loại quỹ xã hội, giúp học sinh nghèo đến trường, giúp bạn nghèo vui Tết,... Tổ chức tốt các phong trào thi đua, động viên, khen thưởng kịp thời đoàn viên có thành tích xuất sắc trong các hoạt động chuyên môn và hoạt động công đoàn [H1-1.3-13]; [H1-1.3-14]. Tuy nhiên, nhà trường chưa khen thưởng cá nhân, tập thể thực hiện tốt các nhiệm vụ của đoàn thể.

## **2. Điểm mạnh**

Các tổ chức đoàn thể và chi hội Khuyến học phối hợp cùng chính quyền thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao; phát huy được sức mạnh của tập thể và hỗ trợ tích cực cho các hoạt động của trường.

## **3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa khen thưởng cá nhân, tập thể thực hiện tốt các nhiệm vụ của đoàn thể.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2024-2025, Chi ủy chi bộ tăng cường lãnh đạo, giám sát hoạt động các đoàn thể trong nhà trường nhằm nâng cao hơn nữa hoạt động của các đoàn thể; nhà trường có hình thức khen thưởng, khuyến khích kịp thời để động viên.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.**

***Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng***

Mức 1:

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có 30 lớp, 01 hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đảm bảo theo quy định tại Chương II, Điều 9 của Điều lệ Trường tiểu học và Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người [H1-1.4-01].

b) Trường có các tổ chuyên môn từ khối lớp 1 đến khối lớp 5 và tổ bộ môn, tổ văn phòng. Các tổ được thành lập theo quy định tại Điều 14 của Điều lệ Trường Tiểu học [H1-1.4-02]. Mỗi tổ đều có tổ trưởng, tổ phó [H1-1.4-03].

c) Tổ chuyên môn thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 2, Điều 14 của Điều lệ Trường tiểu học gồm: xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ theo tuần, tháng, năm học nhằm thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục. Thực hiện tốt việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thông qua chuyên đề, thao giảng; kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả giảng dạy, giáo dục và quản lý sử dụng sách, thiết bị của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường; tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định chuẩn

nghề nghiệp giáo viên tiểu học và chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05].

Tổ văn phòng làm việc theo đúng chức năng tại Điều 15 của Điều lệ Trường tiểu học, xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ theo tuần, tháng, năm nhằm phục vụ cho việc thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục của nhà trường, giúp hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính, tài sản trong nhà trường và hạch toán kế toán, thống kê theo quy định, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường, tham gia đánh giá, xếp loại công chức viên chức, lưu trữ hồ sơ của nhà trường [H1-1.4-06]; [H1-1.4-07].

Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ hai tuần một lần và các sinh hoạt khác như xét thi đua, đánh giá viên chức, góp ý kế hoạch và báo cáo của nhà trường... Trong các buổi sinh hoạt tổ chuyên môn, còn một vài giáo viên chưa mạnh dạn chia sẻ, phát biểu ý kiến trong sinh hoạt tổ [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06].

#### Mức 2:

a) Hằng năm, các tổ chuyên môn đã đề xuất, thực hiện được nhiều chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục của giáo viên trong tổ. Trong năm học 2021-2022 các tổ tập trung tổ chức các chuyên đề bồi dưỡng thực hiện chương trình phổ thông 2018 [H1-1.4-08]; [H1-1.4-09].

b) Trong mỗi năm học, hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh ở các giai đoạn giữa học kỳ và cuối học kỳ [H1-1.4-06]; [H1-1.4-10].

#### Mức 3:

a) Tổ chuyên môn đã tổ chức các hoạt động chuyên đề, thao giảng, sinh hoạt tổ chuyên môn để bồi dưỡng kỹ năng vận dụng phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng đổi mới cho giáo viên; hướng dẫn giáo viên soạn đề kiểm tra định kỳ; thảo luận, chia sẻ kinh nghiệm vận dụng các biện pháp phụ đạo và dạy học cá thể đối với học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng.... Các

thành viên tổ văn phòng ngoài việc thực hiện tốt nhiệm vụ chính được phân công đã tích cực tham gia hỗ trợ công tác tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp như: tổ chức các lễ hội, tham quan, tập thể dục giữa giờ... tạo điều kiện tốt cho học sinh tham gia các hoạt động giáo dục, quản lý học sinh chặt chẽ trong giờ học sinh hoạt, học tập ngoài lớp học. Chính vì thế, tổ chuyên môn và tổ văn phòng đã đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường trong các năm học qua [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06]; [H1-1.4-07].

Tổ chuyên môn tổ chức nhiều chuyên đề phong phú bổ ích và hoạt động của tổ thường xuyên rà soát điều chỉnh, nên đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của trường [H1-1.4-10].

## **2. Điểm mạnh**

Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có cơ cấu đúng quy định. Tổ chuyên môn hoạt động hiệu quả đóng góp tích cực trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

## **3. Điểm yếu**

Còn một số tổ chuyên môn chưa tổ chức sinh hoạt tổ theo hướng đổi mới.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2024-2025, hiệu trưởng nhà trường tiếp tục phân cấp cho các tổ trưởng tổ chuyên môn và tổ văn phòng điều hành hoạt động các tổ một cách hiệu quả để nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; đồng thời chỉ đạo phó hiệu trưởng quan tâm, định hướng, tư vấn để các tổ chuyên môn tổ chức sinh hoạt tổ theo hướng đổi mới.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.**

### ***Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học***

Mức 1:

- a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;*
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;*
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

- a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;
- b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;
- c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Từ năm học 2017-2018 đến nay, trường luôn có đầy đủ khối lớp từ lớp 1 đến lớp 5 theo quy định cấp tiểu học [H1-1.5-01].

b) Mỗi lớp học đều có ban cán sự lớp với 01 lớp trưởng và 02 lớp phó. Mỗi lớp được chia thành các tổ học sinh, mỗi tổ đều có tổ trưởng và tổ phó. Lớp trưởng và lớp phó được luân phiên thay đổi ít nhất 02 lần/năm học nhằm thúc đẩy các hoạt động học tập và phong trào của lớp để đạt hiệu quả cao [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ theo định hướng và sự quản lý của giáo viên chủ nhiệm nên tạo được điều kiện để học sinh tham gia việc bầu cử ban cán sự lớp, hội đồng tự quản hoặc xét thi đua, khen thưởng cho học sinh, tham gia các hoạt động giáo dục của nhà trường để học sinh có cơ hội thể hiện năng lực của bản thân [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03].

Mức 2:

a) Năm học 2023-2024, trường có 32 lớp với 07 lớp 1, 09 lớp 2, 06 lớp 3, 05 lớp 4 và 05 lớp 5. Số lớp vượt quá quy định là 02 lớp theo Điều lệ Trường tiểu học [H1-1.5-01].

b) Năm học 2023-2024 có tổng số học sinh là 1278 em, sĩ số bình quân của mỗi lớp là 39,99 học sinh, vượt quá so với quy định là 35 học sinh/lớp theo Điều lệ Trường tiểu học [H1-1.5-04].

c) Trong quá trình giáo dục, giảng dạy, lớp học được tổ chức linh hoạt, phù hợp với hoạt động giáo dục. Ngoài việc tổ chức lớp theo tổ, theo hội đồng tự quản, giáo viên tổ chức cho học sinh học tập, sinh hoạt theo nhóm. Cơ cấu và

số lượng học sinh trong nhóm được hình thành tùy theo đặc thù mỗi hoạt động giảng dạy, giáo dục học sinh [H1-1.5-02].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ lớp học theo từng khối lớp đáp ứng yêu cầu theo quy định của Điều lệ Trường tiểu học. Các lớp được tổ chức theo quy định và hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ phù hợp với hoạt động giáo dục.

## **3. Điểm yếu**

Tỷ lệ học sinh/lớp chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 1, Điều 16 của Điều lệ Trường tiểu học (bình quân 39,99 học sinh/lớp).

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2024-2025, hiệu trưởng nhà trường chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm tiếp tục tổ chức hoạt động lớp theo quy định, đảm bảo nguyên tắc tự quản, dân chủ phù hợp với hoạt động giáo dục; đồng thời tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo, kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh giảm chỉ tiêu tuyển sinh, có lộ trình giảm sĩ số hằng năm để đến năm học 2027-2028 trường đạt sĩ số bình quân 35 học sinh/lớp.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.**

### ***Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản***

Mức 1:

*a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*

*b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*

*c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

*a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

*Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện đầy đủ hồ sơ phục vụ cho hoạt động giáo dục trong nhà trường như: sổ đăng bộ [H1-1.6-01], bảng tổng hợp kết quả kiểm tra đánh giá học sinh [H1-1.6-02], lưu trữ đầy đủ học bạ của học sinh [H1-1.6-03], sổ nghị quyết và kế hoạch công tác [H1-1.6-04], phần mềm quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên [H1-1.6-05], sổ khen thưởng [H1-1.6-06], sổ quản lý tài sản, tài chính [H1-1.6-07], sổ công văn đến [H1-1.6-08], sổ công văn đi [H1-1.6-09]. Hồ sơ, văn bản được lưu trữ theo quy định của Luật Lưu trữ. Hồ sơ chung của trường hằng năm được nhân viên văn thư thực hiện lưu trữ trong các tủ hồ sơ đặt tại phòng văn thư, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng [H1-1.6-10].

b) Trường có thực hiện lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo quy định của Nhà nước. Trường có kế hoạch định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định. Tổ văn phòng giúp hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính, tài sản trong trường và hạch toán tài chính, thống kê theo quy định [H1-1.6-11].

Quy chế chi tiêu nội bộ luôn được cập nhật, bổ sung phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế tại trường và đều được tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên bàn bạc, thống nhất tại Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức của trường [H1-1.6-12]; [H1-1.6-13].

Trường thực hiện các nội dung công khai về cam kết chất lượng giáo dục và đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu chi tài chính theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với

cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Hình thức công khai trên bảng tin, trong họp hội đồng sư phạm [H1-1.6-04]; [H1-1.6-12].

c) Nhà trường thực hiện quản lý, sử dụng tài chính, tài sản và công cụ dụng cụ đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục trong mỗi năm học [H1-1.6-11]; [H1-1.6-14]; [H1-1.6-15].

#### Mức 2:

a) Trường thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản. Quản lý hồ sơ giáo viên, nhân viên bằng phần mềm “Quản lý cán bộ, công chức” do Sở Nội vụ Thành phố Hồ Chí Minh quản lý [H1-1.6-05]; quản lý và thống kê học sinh bằng cổng thông tin điện tử tại địa chỉ website <http://www.truong.hcm.edu.vn> [H1-1.6-16]. Hiệu trưởng và kế toán quản lý tài chính bằng phần mềm IMAS, thanh toán qua kho bạc bằng hình thức trực tuyến, thu tiền bằng phần mềm SSC, tự in hóa đơn điện tử [H1-1.6-17].

b) Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, trường chưa được thanh tra, kiểm toán nhưng đã được Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng Tài chính - Kế hoạch kiểm tra định kỳ 06 tháng/lần, trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản [H1-1.6-10]; [H1-1.6-11].

#### Mức 3:

Trường chưa có kế hoạch dài hạn, trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp ngoài nguồn ngân sách nhà nước cấp.

### **2. Điểm mạnh**

Trường thực hiện tốt các quy định trong việc quản lý hành chính, quản lý tài chính và tài sản; góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả trong việc thực hiện nhiệm vụ chung của trường.

### **3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có kế hoạch, trung hạn dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2024-2025, hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo các bộ phận thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý. Chỉ đạo kế toán lập kế hoạch trung hạn, dài hạn tạo nguồn tài chính hợp pháp cho nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

***Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên***

Mức 1:

*a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;*

*b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;*

*c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

*Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường chú trọng việc thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong đội ngũ; có kế hoạch, tạo điều kiện và khuyến khích, động viên đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học [H1-1.4-09]; [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02].

b) Đầu mỗi năm học, hiệu trưởng nhà trường đã thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng và hợp lý cho mỗi cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên căn cứ vào năng lực, sức khỏe của cá nhân để đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường [H1-1.7-03].

c) Cán bộ, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ Trường tiểu học. Trường tạo mọi điều kiện để giáo viên thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh. Cán bộ, giáo viên, nhân viên được học nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, học tập tin học,

ngoại ngữ; được hưởng lương, phụ cấp, các chế độ khác theo quy định; được hưởng mọi quyền lợi về vật chất và tinh thần, được chăm sóc sức khỏe theo chế độ, được bảo vệ nhân phẩm, danh dự và thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật [H1-1.6-12]; [H1-1.7-04].

#### Mức 2:

Nhà trường thường xuyên thực hiện việc đánh giá rà soát các hoạt động để từ đó làm cơ sở cho điều chỉnh sự phân công, có chế độ khen thưởng phù hợp cho từng nội dung hoạt động. Qua đó, nhà trường phát huy được năng lực của đội ngũ cán bộ, viên chức, nhân viên trong việc thực hiện nhiệm vụ, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chung của trường [H1-1.6-12]; [H1-1.7-05]. Tuy nhiên còn một số giáo viên chưa tích cực tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, cấp huyện, cấp thành phố tổ chức.

### **2. Điểm mạnh**

Việc phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo năng lực, sở trường đã đem lại hiệu quả các hoạt động của nhà trường. Các thành viên trong nhà trường được đảm bảo các quyền theo quy định.

Trường thực hiện tốt các chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên và nhân viên, đảm bảo quyền lợi chính đáng theo quy định của pháp luật.

### **3. Điểm yếu**

Một số giáo viên chưa tích cực tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, cấp huyện, cấp thành phố tổ chức.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2024-2025, hiệu trưởng và Ban chấp hành công đoàn trường tiếp tục đảm bảo các quyền lợi cho cán bộ, giáo viên. Các đoàn thể phát huy vai trò trong công tác vận động khuyến khích giáo viên tham gia tốt các hội thi.

### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

#### ***Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục***

#### Mức 1:

a) *Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;*

*b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;*

*c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.*

Mức 2:

*Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường có lập kế hoạch giáo dục và quản lý các hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; quản lý học sinh theo quy định của Điều lệ Trường tiểu học. Các kế hoạch được xây dựng trên cơ sở phù hợp với quy định, điều kiện tại địa phương và tình hình thực tế của trường [H1-1.1-03].

b) Dựa vào kế hoạch giáo dục, nhà trường tiến hành triển khai các công việc đã đề ra và thực hiện công tác quản lý nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.1-04]; [H1-1.6-04].

c) Trường thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động giáo dục, đánh giá rút kinh nghiệm trong phiên họp hội đồng sư phạm hằng tháng, trong hội đồng trường để điều chỉnh các hoạt động cho phù hợp với thực tế [H1-1.6-04]; [H1-1.2-04].

Nhà trường thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra nội bộ, theo dõi kế hoạch hoạt động giáo dục nhất là kế hoạch các lần kiểm tra định kỳ, tổ chức thực hiện phân công coi kiểm tra cụ thể, đảm bảo đúng quy chế chuyên môn [H1-1.8-01].

Mức 2:

Nhà trường đã có những biện pháp để thực hiện công tác lãnh đạo trong chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động giáo dục tại trường và đã được cơ quan quản lý cấp trên đánh giá cao. Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022, trường liên tục đạt danh hiệu thi đua Tập thể lao động xuất sắc. Tuy nhiên, việc thực hiện một số nội dung trong kế hoạch giáo dục của các bộ phận còn chậm so với tiến độ đề ra [H1-1.6-04]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

## **2. Điểm mạnh**

Trường có xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch giáo dục theo đúng quy định, phù hợp với điều kiện thực tế và tình hình của trường nhằm quản lý tốt hoạt động giáo dục.

## **3. Điểm yếu**

Còn một số hoạt động giáo dục chưa thực hiện đảm bảo theo tiến độ.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2024-2025, hiệu trưởng tăng cường chỉ đạo thực hiện rà soát, đánh giá và đề xuất các biện pháp sáng tạo, đột phá để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường đảm bảo tiến độ đạt hiệu quả cao nhất.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

### ***Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở***

Mức 1:

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;*

*b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;*

*c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.*

Mức 2:

*Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Vào đầu mỗi năm học, thực hiện theo sự lãnh đạo của Chi bộ, hiệu trưởng phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn cơ sở thực hiện soạn thảo Quy chế dân chủ cơ sở và gửi đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường nghiên cứu, tham gia góp ý kiến xây dựng quy chế dân chủ trong Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức. Tuy nhiên vẫn còn trường hợp giáo viên, nhân viên chưa mạnh dạn tham gia phát biểu ý kiến xây dựng nghị quyết hoạt động của

nhà trường hoặc nhận xét góp ý đồng nghiệp trong các cuộc họp [H1-1.6-04]; H1-1.6-12];

b) Trong thời gian qua, trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo [H1-1.6-12]; [H1-1.7-04].

c) Hằng năm, trường đều có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đầy đủ, đảm bảo nghiêm túc việc triển khai và thực hiện nội dung này tại trường [H1-1.9-01].

Mức 2:

Nhà trường đã đề ra và thực hiện tốt các biện pháp nhằm đảm bảo quy chế dân chủ cơ sở được thực hiện một cách công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.6-04]; H1-1.9-02].

## **2. Điểm mạnh**

Trường đảm bảo việc thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ tại cơ sở. Các hoạt động của nhà trường luôn được cán bộ, giáo viên, nhân viên thảo luận công khai, minh bạch và được thông qua trong hội đồng sư phạm.

## **3. Điểm yếu**

Một số giáo viên, nhân viên chưa mạnh dạn tham gia phát biểu ý kiến xây dựng nghị quyết hoạt động của nhà trường hoặc nhận xét góp ý đồng nghiệp trong các cuộc họp.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2024-2025, hiệu trưởng và Ban chấp hành Công đoàn tiếp tục phối hợp để duy trì, phát huy quyền dân chủ của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong quá trình công tác. Hiệu trưởng, tổ trưởng khuyến khích, động viên các cá nhân trong nhà trường mạnh dạn phát biểu và góp ý khi tham gia các cuộc họp, hội nghị. Ban chấp hành công đoàn tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền vận động công đoàn viên tự giác tìm hiểu các quy định của pháp luật, quy tắc ứng xử để mạnh dạn phát biểu và góp ý trong các cuộc họp.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

***Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học***

Mức 1:

*a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;*

*b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;*

*c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.*

#### Mức 2:

*a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;*

*b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

#### Mức 1:

*a) Trong mỗi năm học, nhà trường có xây dựng đầy đủ các phương án theo quy định: Phương án đảm bảo an ninh trật tự tại trường học [H1-1.10-01]; phương án chữa cháy và cứu nạn cứu hộ [H1-1.10-02]; phương án xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích, phòng tránh các hiểm họa thiên tai [H1-1.10-03]; kế hoạch tổ chức thực hiện việc đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm trong trường học [H1-1.10-04]; kế hoạch phòng chống các tệ nạn xã hội trong nhà trường [H1-1.10-05].*

*b) Nhà trường xây dựng các kênh để tiếp nhận, xử lý thông tin phản ánh từ cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và người dân như: Trường có hộp thư*

góp ý dành cho cha mẹ học sinh đặt ở cổng trường, thông tin về số điện thoại, địa chỉ thư điện tử của cán bộ quản lý được công khai trên trang thông tin điện tử của trường [H1-1.10-06].

Ngoài ra, nhà trường còn phối hợp chặt chẽ với công an địa phương thực hiện tốt việc đảm bảo an ninh trật tự trong và ngoài nhà trường [H1-1.10-07].

c) Giáo viên thường xuyên giáo dục lối sống đạo đức cho học sinh, không có hiện tượng kỳ thị, phân biệt về giới tính, không có tình trạng bạo lực xảy ra trong nhà trường [H1-1.10-08]; [H1-1.10-09].

## Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh của trường thường xuyên được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; nhà trường đã phối hợp với Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ huyện Bình Chánh tổ chức diễn tập phương án chữa cháy, cứu nạn và cứu hộ cho giáo viên và học sinh; có phổ biến phương án đảm bảo an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực học đường trong nhà trường đến đội ngũ giáo viên, nhân viên và học sinh. Cán bộ quản lý và giáo viên đã tuyên truyền, phổ biến đến cha mẹ học sinh quy định đội mũ bảo hiểm cho học sinh khi đi xe máy hoặc xe mô tô để giảm nguy hiểm cho trẻ khi bị tai nạn giao thông nhưng một số cha mẹ học sinh chưa thật sự quan tâm thực hiện, còn trường hợp học sinh được phụ huynh đưa đến trường bằng xe máy nhưng không đội mũ bảo hiểm [H1-1.10-10]; [H1-1.10-11].

b) Cán bộ quản lý trường luôn tăng cường công tác kiểm tra, nắm bắt tình hình trong và ngoài trường; thường xuyên trao đổi, tiếp nhận các thông tin từ giáo viên, nhân viên, học sinh và các lực lượng ngoài nhà trường về những vấn đề có liên quan để từ đó có biện pháp kịp thời, hiệu quả. Trong các năm qua, nhà trường luôn đạt chuẩn về An ninh trật tự trường học và Đơn vị văn hóa [H1-1.10-12].

## 2. Điểm mạnh

Tình hình an ninh trật tự, an toàn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh được đảm bảo trong nhiều năm qua.

Nhà trường được công nhận đạt tiêu chuẩn về An ninh trật tự trường học và Đơn vị văn hóa.

### **3. Điểm yếu**

Việc tuyên truyền phổ biến đến cha mẹ học sinh thực hiện đội mũ bảo hiểm cho học sinh khi đi mô tô, xe máy chưa đạt hiệu quả cao, còn trường hợp cha mẹ học sinh chưa quan tâm đến việc đội nón bảo hiểm cho con em để phòng chống tai nạn thương tích.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2024-2025, hiệu trưởng phân công cho giáo viên chủ nhiệm và giáo viên Tổng phụ trách Đội tiếp tục rà soát việc thực hiện các phương án đảm bảo an toàn cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Trong các cuộc họp cha mẹ học sinh, giáo viên chủ nhiệm lớp tiếp tục tuyên truyền, phổ biến vận động cha mẹ học sinh ký cam kết nghiêm chỉnh chấp hành luật giao thông, cho con đội mũ bảo hiểm khi đi xe mô tô, xe máy để góp phần thực hiện tốt công tác phòng chống tai nạn, đảm bảo an toàn cho học sinh khi đi học.

### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 1:**

#### **Điểm mạnh nổi bật:**

Chiến lược phát triển nhà trường được xây dựng, triển khai tổ chức thực hiện với những nội dung phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định và trên cơ sở nguồn lực của trường.

Trường có đầy đủ Chi bộ Đảng, các tổ chức đoàn thể và chi hội Khuyến học trong trường để phối hợp cùng chính quyền thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao; phát huy được sức mạnh của tập thể và hỗ trợ tích cực cho các hoạt động của trường.

Trường thực hiện tốt các quy định trong việc quản lý hành chính, quản lý tài chính và tài sản; đảm bảo chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên và nhân viên; đảm bảo thực hiện nghiêm túc quy chế dân chủ tại cơ sở.

**Điểm yếu cơ bản:**

Công tác đánh giá, rà soát để thực hiện bổ sung, điều chỉnh chiến lược phát triển nhà trường chưa được thực hiện thường xuyên.

Tỷ lệ học sinh/lớp chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 1, Điều 16 của Điều lệ Trường tiểu học (bình quân 39,99 học sinh/lớp).

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/10

**Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh****Mở đầu:**

Cán bộ quản lý đạt chuẩn trình độ, được bồi dưỡng về quản lý giáo dục; có đủ sức khỏe, năng nổ, nhiệt tình, được tập thể nhà trường tín nhiệm về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 11 của Điều lệ Trường tiểu học.

Đội ngũ giáo viên nhà trường nhiệt tình, năng động, sáng tạo, nghiệp vụ chuyên môn vững vàng, gắn bó với nghề, hết lòng vì học sinh và sự nghiệp giáo dục của nhà trường. Đội ngũ nhân viên nhà trường có đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, có ý thức làm việc nghiêm túc.

Học sinh của trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của Điều lệ Trường tiểu học và của pháp luật. Tất cả học sinh thực hiện đầy đủ 05 nhiệm vụ của học sinh tiểu học và được đảm bảo đầy đủ các quyền theo quy định của Điều lệ Trường tiểu học.

***Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng***

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*

*b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

*Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng nhà trường đạt yêu cầu theo quy định tại Điều 11 của Điều lệ Trường tiểu học. Hiệu trưởng có thời gian giảng dạy 09 năm thì được bổ nhiệm; phó hiệu trưởng 1 có số năm giảng dạy 29 năm và phó hiệu trưởng 2 có số năm giảng dạy là 10 năm [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

b) Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bình Chánh đánh giá, xếp loại từ mức khá trở lên. Trong năm học 2023-2024, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng tự đánh giá, xếp loại khá theo quy định tại Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông [H2-2.1-04].

c) Hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng đều có trình độ trung cấp chính trị.

Hiệu trưởng tốt nghiệp cao học chuyên ngành quản lý giáo dục; 02 phó hiệu trưởng đã hoàn thành lớp bồi dưỡng quản lý giáo dục, chưa tham gia học cao học [H2-2.1-03].

Mức 2:

a) Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bình Chánh đánh giá, xếp loại từ mức khá trở lên. Trong năm học 2023-2024, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng tự đánh giá, xếp loại khá theo hướng dẫn tại Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT [H2-2.1-04].

b) Đội ngũ cán bộ quản lý được bồi dưỡng, tập huấn đầy đủ về lý luận chính trị theo quy định; được sự tin tưởng, tín nhiệm cao trong toàn trường [H2-2.1-03]; [H2-2.1-05].

Mức 3:

Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bình Chánh đánh giá, xếp loại từ mức khá trở lên, trong đó có 02 năm được xếp loại mức tốt. Năm học 2023-2024, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng tự đánh giá, xếp loại khá theo hướng dẫn tại Thông tư số 14/2018/TT- BGDĐT [H2-2.1-04].

## **2. Điểm mạnh**

Cán bộ quản lý có trình độ trên chuẩn, đủ năng lực quản lý, đạt tiêu chuẩn theo quy định; được bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng cho việc thực hiện nhiệm vụ tại trường và được tập thể tín nhiệm.

## **3. Điểm yếu**

Các phó hiệu trưởng nhà trường chưa tham gia học nâng cao trình độ Thạc sĩ quản lý giáo dục.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Cán bộ quản lý tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo, điều hành các hoạt động giáo dục trong nhà trường; phát huy tinh thần trách nhiệm trong công tác quản lý tại đơn vị. Từ tháng 10 năm 2024, hiệu trưởng sẽ tạo điều kiện cho 01 phó hiệu trưởng sắp xếp công việc để đăng ký tham gia lớp học nâng cao trình độ Thạc sĩ quản lý giáo dục.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.**

### ***Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên***

Mức 1:

a) *Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh;*

b) *100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*

*c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

**Mức 2:**

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;*

*c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

**Mức 3:**

*a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

**Mức 1:**

a) Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, nhà trường có đủ giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học. Năm học 2019-2020, số lượng giáo viên đảm bảo đủ theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT. Nhà trường hợp đồng thêm với 03 giáo viên Tiếng Anh để giảng dạy chương trình tiếng Anh đề án ở tất cả các lớp. Do nhà trường không tuyển dụng được giáo viên Tổng phụ trách Đội nên trường phân công 01 giáo viên dạy nhiều

môn làm công tác Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh [H1-1.7-03]; [H1-2.2-01]; [H1-2.2-02].

b) Tính đến cuối tháng 5/2024 trường có 38/38 giáo viên của trường đạt chuẩn trình độ đào tạo (tỷ lệ 100%)[H2-2.2-03].

c) Trường thực hiện nghiêm túc việc đánh giá giáo viên theo quy định về chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học. Trong các năm học, 100% giáo viên được xếp loại khá trở lên chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học theo quy định tại Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông [H2-2.2-04].

#### Mức 2:

a) Tính đến cuối tháng 5/2024, số lượng giáo viên đạt trình độ chuẩn là 37/38 giáo viên, tỷ lệ 100%. Tỷ lệ giáo viên đạt trình độ chuẩn đào tạo luôn được duy trì ổn định và tăng dần trong những năm qua [H2-2.2-03].

b) Trong 05 năm liên tiếp gần đây trường có 100% giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ mức khá trở lên [H2-2.2-04].

c) Trong những năm qua, nhà trường không có trường hợp giáo viên bị kỷ luật [H1-1.6-12].

#### Mức 3:

a) Tính đến thời điểm cuối tháng 5/2024 có 38/38 giáo viên có bằng Cử nhân nên chưa đảm bảo tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục năm 2019 [H2-2.2-03].

b) Từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên. Năm học 2021-2022 nhưng chỉ có 31% giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt [H2-2.2-04].

## 2. Điểm mạnh

Trường có số lượng và cơ cấu giáo viên đảm bảo để dạy các môn học bắt buộc theo quy định; 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn và được xếp loại khá

trở lên chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học theo quy định tại Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT.

### **3. Điểm yếu**

Tỉ lệ giáo viên được xếp loại tốt trở lên chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học theo quy định tại Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT còn thấp.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2024-2025, và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng nhà trường tổ chức nhiều chuyên đề để bồi dưỡng chuyên môn giáo viên, nâng cao chất lượng đội ngũ.

### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.**

#### ***Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên***

Mức 1:

*a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*

*b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*

*c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

Mức 2:

*a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*

*b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

*a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*

*b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trong 05 năm qua, trường có đội ngũ nhân viên đảm nhiệm tốt các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công theo các vị trí việc làm được quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT. Bên cạnh đó, hiệu trưởng còn phân công giáo

viên kiêm nhiệm phụ trách công nghệ thông tin để đảm bảo tốt các hoạt động của nhà trường [H1-1.7-03].

b) Các nhân viên kế toán, văn thư, thư viện, y tế... được hiệu trưởng phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực cá nhân[H2-2.3-01].

c) Trong các năm qua 100% nhân viên của nhà trường luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. Nhân viên có ý thức kỷ luật trong lao động, có tinh thần đoàn kết tốt, có tinh thần học hỏi, nhiệt tình với công việc, có phong cách giao tiếp tốt trong môi trường sư phạm [H2-2.3-02].

#### Mức 2:

a) Từ năm 2017 đến nay, trường chưa đủ số lượng nhân viên biên chế và cơ cấu nhân viên chưa đúng theo quy định của Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT. Nhà trường phải hợp đồng nhân viên kế toán và y tế, đồng thời phân công 01 giáo viên dạy nhiều môn kiêm nhiệm phụ trách công nghệ thông tin [H1-1.7-03].

b) Trong những năm qua, nhà trường không có trường hợp nhân viên bị xử lý kỷ luật [H1-1.6-12].

#### Mức 3:

a) Trong năm học 2021-2022, các nhân viên kế toán, văn thư, thư viện, thiết bị của trường đã đạt trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm, tuy nhiên nhân viên y tế chưa đảm bảo trình độ chuyên môn theo quy định. Giáo viên kiêm nhiệm phụ trách công nghệ thông tin chưa được bồi dưỡng, đào tạo trình độ trung cấp tin học hoặc ứng dụng công nghệ thông tin [H2-2.2-03]; [H2-2.3-03].

b) Đội ngũ nhân viên đều được nhà trường tạo điều kiện tham gia đầy đủ các khoá, lớp tập huấn bồi dưỡng theo vị trí việc làm.

## **2. Điểm mạnh**

Nhân viên có ý thức kỷ luật trong lao động, có tinh thần đoàn kết tốt.

Hằng năm, nhân viên đã được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn chuyên ngành về công tác tài chính, công tác thư viện - thiết bị, y tế trường học,... Kết quả đánh giá xếp loại cuối năm của nhân viên đều hoàn thành tốt nhiệm vụ.

### 3. Điểm yếu

Nhà trường còn thiếu nhân viên biên chế ở các vị trí kế toán, y tế, công nghệ thông tin.

### 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2024-2025, trường tạo điều kiện để nhân viên bảo vệ tham gia các khóa tập huấn nghiệp vụ nhằm đáp ứng tốt yêu cầu công việc và vị trí việc làm theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT; hiệu trưởng lập kế hoạch phối hợp với Phòng Nội vụ để tuyển dụng nhân viên kế toán, y tế, công nghệ thông tin.

### 5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

#### *Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh*

Mức 1:

- a) *Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định;*
- b) *Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) *Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

*Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.*

Mức 3:

*Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.*

### 1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Học sinh của trường đảm bảo độ tuổi theo quy định tại Điều 33 của Điều lệ Trường tiểu học (từ 06 đến 14 tuổi và tính theo năm); tuổi vào học lớp 1 là 06 tuổi; trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 07 đến 09 tuổi, không có học sinh học sớm tuổi. Năm học 2023-2024 toàn trường có 1278 học sinh [H1-1.5-04]; [H2-2.4-01].

b) Học sinh có ý thức trách nhiệm, thực hiện đầy đủ 05 nhiệm vụ của học sinh, nghiêm túc thực hiện nội quy của nhà trường đề ra, biết tự phục vụ, tự quản và hợp tác với các học sinh khác nhưng chưa cao. Học sinh không thực

*b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;*

*c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.*

Mức 2:

*a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;*

*b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường có 06 khu vực nhà vệ sinh dành riêng cho học sinh nam, nữ và 02 khu nhà vệ sinh dành cho giáo viên, nhân viên. Các công trình vệ sinh này được phân bố đều giữa các tầng lầu, đặt tại vị trí phù hợp với cảnh quan của trường, an toàn, thuận tiện và luôn đảm bảo sạch sẽ, thông thoáng [H3-3.1-03]; [H3-3.4-01].

b) Hệ thống thoát nước được xây dựng ngầm dưới mặt đất, đảm bảo vệ sinh môi trường. Trường sử dụng hệ thống cấp nước sạch từ nguồn nước thủy cục thành phố để sinh hoạt, sử dụng nước tinh khiết đóng bình phục vụ nhu cầu nước uống hợp vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.1-03]; [H3-3.4-02]; [H3-3.4-03]

c) Trường thực hiện tốt việc thu gom rác và xử lý chất thải, đảm bảo vệ sinh môi trường. Trường có bố trí địa điểm tập kết rác thải và thời gian thu gom rác hợp lý, đúng theo kế hoạch nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường, không ảnh hưởng đến các hoạt động khác của trường. Tuy nhiên, việc phân loại rác thải chưa đạt hiệu quả cao do học sinh chưa thực hiện tốt khâu phân loại [H3-3.4-04].

Mức 2:

a) Tổng diện tích khu vực vệ sinh là 120 m<sup>2</sup>. Các nhà vệ sinh được phân bố đều giữa các tầng lầu, đặt tại vị trí phù hợp với cảnh quan của trường, an

toàn, thuận tiện và luôn đảm bảo sạch sẽ, thông thoáng. Đồng thời, các yêu cầu khác về số lượng hố xí, chậu tiêu, bồn rửa cũng đảm bảo theo quy định [H3-3.1-03]; [H3-3.4-01].

b) Nhà trường sử dụng hệ thống nước thủy cục và sử dụng hệ thống nước giếng khoan. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đều đáp ứng theo quy định [H3-3.4-02]; [H3-3.4-04].

## **2. Điểm mạnh**

Trường có trang bị khu vệ sinh phục vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, đảm bảo vệ sinh môi trường.

Hệ thống cấp, thoát nước và thu gom rác đảm bảo theo quy định.

## **3. Điểm yếu**

Việc phân loại rác thải chưa đạt hiệu quả cao do học sinh chưa thực hiện tốt việc phân loại rác thải tại nguồn.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2024-2025, hiệu trưởng tiếp tục duy trì, tu bổ các công trình vệ sinh và hệ thống thoát nước; thường xuyên kiểm tra hệ thống nước để xử lý kịp thời, tránh lãng phí.

Chi đoàn phối hợp với giáo viên Tổng phụ trách Đội, nhân viên y tế và giáo viên chủ nhiệm thường xuyên tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn học sinh phân loại rác thải tại nguồn trong các tiết sinh hoạt tập thể dưới cờ, tiết sinh hoạt lớp và các buổi hoạt động ngoại khóa ngoài giờ lên lớp.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

### ***Tiêu chí 3.5: Thiết bị***

Mức 1:

*a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;*

*b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;*

*c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.*

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trường trang bị đầy đủ các thiết bị văn phòng như máy tính kết nối mạng Internet, máy in, máy photocopy... phục vụ đầy đủ, kịp thời các hoạt động giáo dục, công tác quản lý và giảng dạy [H1-1.6-07]; [H3-3.5-01].

b) Trường có đủ các thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ giảng dạy và học tập đảm bảo theo đúng quy định tại Thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục dạy học tối thiểu cấp Tiểu học và Thông tư số 05/2019/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 04 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1 [H3-3.5-02]; [H3- 3.5-03].

c) Hằng năm, nhân viên thiết bị thực hiện tốt việc kiểm kê và có đề xuất với cán bộ quản lý để thực hiện sửa chữa đồ dùng, thiết bị dạy học bị hư hỏng [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03].

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính ở các phòng hành chính - quản trị và khối phòng phục vụ học tập đều được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Trường sử dụng 02 hệ thống Internet để phục vụ dạy học và công việc hành chính, quản lý [H3-3.5-01].

b) Nhà trường có đầy đủ thiết bị và đồ dùng dạy học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, ngoài ra trường còn trang bị 01 bảng tương tác, 07 máy chiếu [H1-1.6-07]; [H3-3.5-02].

c) Hằng năm, nhà trường thường xuyên bổ sung các thiết bị dạy học và đồ dùng dạy học. Bên cạnh đó, giáo viên thực hiện tự làm đồ dùng dạy học để phục vụ giảng dạy và tham gia hội thi triển lãm đồ dùng dạy học tự làm cấp trường [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03]; [H3-3.5-04].

Mức 3:

Nhà trường trang bị đủ các thiết bị dạy học, giáo viên tích cực tự làm thiết bị, đồ dùng dạy học để phục vụ giảng dạy. Tuy nhiên việc khai thác và sử dụng các thiết bị dạy học, đồ dùng dạy học tự làm chưa đạt hiệu quả cao [H3-3.5-05].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ trang thiết bị, đồ dùng dạy học tối thiểu và đủ thiết bị cho từng lớp, đáp ứng tốt các hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hằng năm, nhà trường bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

## **3. Điểm yếu**

Việc khai thác và sử dụng thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm chưa đạt hiệu quả cao.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hằng năm, bộ phận thiết bị lập kế hoạch mua sắm bổ sung đồ dùng, thiết bị dạy học theo danh mục của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời hiệu trưởng phân công bộ phận chuyên môn kiểm tra giám sát giáo viên trong việc sử dụng các trang thiết bị dạy học.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.**

### ***Tiêu chí 3.6: Thư viện***

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học;

*b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;*

*c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.*

Mức 2:

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.*

Mức 3:

*Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Thư viện nhà trường có trang bị tủ sách pháp luật, tủ sách Bác Hồ, tủ sách đạo đức, tủ sách về biển đảo, kệ báo có các loại báo như: Nhi đồng, báo Giáo dục, Tuổi trẻ, Sài Gòn giải phóng, Người lao động, các loại sách tham khảo, sách giáo khoa, truyện thiếu nhi, văn học nghệ thuật, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học đủ phục vụ cho giáo viên và học sinh trong nhà trường sử dụng và nghiên cứu thường xuyên [H3-3.6-01].

b) Thư viện có kế hoạch, nội dung hoạt động phù hợp, mở cửa thường xuyên đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy và học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; học sinh thích đọc các loại truyện hơn là sách cảm thụ văn học. Hằng năm, thư viện tổ chức các hội thi kể chuyện theo sách, giới thiệu sách mới, vẽ tranh theo chủ điểm, kể chuyện Bác Hồ, ngày hội đọc sách, vận động học sinh đóng góp sách, truyện,... tạo sự phong phú, đa dạng cho hoạt động thư viện nhằm thu hút cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh đến đọc và tham khảo [H3-3.6-02]; [H3-3.6-03].

c) Nhân viên thư viện thường xuyên thực hiện kiểm kê, báo cáo số liệu đầu sách, báo, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm

tham khảo. Từ đó, thực hiện đề xuất trường trích ngân sách Nhà nước mua thêm sách, báo, truyện, tài liệu dạy học và tài liệu tham khảo khác để bổ sung cho tủ sách thư viện. Ngoài ra nhà trường còn huy động các mạnh thường quân và học sinh đóng góp, tặng sách để bổ sung tủ sách cho thư viện lớp học [H3-3.6-04]; [H3-3.6-05].

Mức 2:

Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022, thư viện của trường được công nhận là thư viện xuất sắc [H3-3.6-06].

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện xuất sắc. Thư viện có máy tính đã được kết nối Internet đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, phục vụ hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh. Tuy nhiên, nhà trường chưa vận dụng phần mềm trong quản lý thư viện điện tử [H3-3.6-03].

## **2. Điểm mạnh**

Thư viện của trường được trang bị đầy đủ sách, báo, tạp chí, tài liệu... tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập, hoạt động dạy và học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Thư viện của trường 05 năm liền đạt Thư viện trường học xuất sắc.

## **3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa sử dụng hệ thống quản lý thư viện điện tử.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2022-2023, hiệu trưởng chỉ đạo phó hiệu trưởng hướng dẫn nhân viên thư viện xây dựng kế hoạch vận dụng phần mềm quản lý thư viện đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Nhân viên thư viện tổ chức nhiều hoạt động hơn với các hình thức thư viện thân thiện: thư viện xanh, thư viện ngoài trời đa dạng, hấp dẫn học sinh.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.**

## **Kết luận về Tiêu chuẩn 3:**

**Điểm mạnh nổi bật:**

Trường có khuôn viên đẹp, gọn gàng, đảm bảo tốt về an ninh trật tự, có nhiều cây xanh và cảnh quan môi trường tốt; sân trường xanh, sạch, an toàn.

Trường trang bị phòng học và cơ sở vật chất phục vụ cho việc giảng dạy, đảm bảo cơ bản theo quy định Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT ngày 16 tháng 6 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học công nghệ và Bộ Y tế về hướng dẫn tiêu chuẩn bàn ghế học sinh trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông.

Trường có trang bị khu vệ sinh phục vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; hệ thống cấp, thoát nước và thu gom rác đảm bảo theo quy định.

Nhà trường có đủ trang thiết bị, đồ dùng dạy học tối thiểu và tủ thiết bị cho từng lớp, đáp ứng tốt các hoạt động giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trường có thư viện và trang bị nhiều đầu sách báo phục vụ tối thiểu hoạt động dạy học, đáp ứng tốt nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Thư viện của trường đạt danh hiệu xuất sắc.

**Điểm yếu cơ bản:**

Diện tích xây dựng công trình, diện tích sân chơi, sân tập chưa đảm bảo theo yêu cầu của TCVN 8793:2011.

Trường chưa đảm bảo đủ số phòng cho mỗi lớp học 02 buổi/ngày, chưa có phòng giáo dục nghệ thuật; diện tích phòng học so với số học sinh chưa đảm bảo.

Nhà trường chưa sử dụng hệ thống quản lý thư viện điện tử.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/06

**Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội****Mở đầu:**

Nhà trường xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ, thường xuyên phối hợp các tổ chức, tạo được sự đồng thuận, thống nhất trong công tác giáo dục học sinh về mọi mặt, chủ động phối hợp với địa phương và các tổ chức đoàn thể ở

địa phương dưới nhiều hình thức nhằm huy động các nguồn lực về tinh thần, vật chất để xây dựng trường và môi trường giáo dục; không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục; nắm bắt thông tin hai chiều một cách kịp thời. Từ đó đề ra các biện pháp giáo dục phù hợp.

Nhà trường có tổ chức Ban đại diện cha mẹ học sinh và hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

***Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh***

Mức 1:

*a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;*

*b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;*

*c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.*

Mức 2:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.*

Mức 3:

*Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.*

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường tổ chức Hội nghị cha mẹ học sinh tại các lớp để bầu ra Ban đại diện từng lớp và tổ chức Đại hội đại biểu cha mẹ học sinh. Qua đó, Đại hội bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường. Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động đúng theo Thông tư 55/2022/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02].

hiện những hành vi không được làm theo Điều 34 của Điều lệ Trường tiểu học [H2-2.4-02].

c) Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ Trường tiểu học. Học sinh được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng; được đảm bảo những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập và rèn luyện. Các em được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu; được tham gia diễn đàn “Lắng nghe tiếng nói học sinh” [H1-1.1-04]; [H1-2.4.-03]; [H1-2.4.-04].

#### Mức 2:

Nhà trường chú ý rèn luyện, giáo dục năng lực, phẩm chất cho học sinh. Các trường hợp học sinh vi phạm được giáo viên, nhà trường phát hiện kịp thời để có biện pháp giáo dục phù hợp [H1-1.1-04]; [H1-2.4-02]; [H2-2.4-05]. Tuy nhiên năng lực tự phục vụ, tự quản và hợp tác của học sinh chưa cao.

#### Mức 3:

Học sinh có nhiều thành tích trong học tập, rèn luyện đạt nhiều giải thưởng cao trong các hoạt động phong trào góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Trong các năm qua học sinh đạt nhiều giải thưởng cấp thành phố như: giải Ba Nét vẽ xanh, Huy chương Đồng Karatedo. Ngoài ra học sinh của trường đạt nhiều giải cao trong các hội thi văn nghệ, thể thao, Nét vẽ xanh,... cấp huyện [H2-2.4-06]; [H2-2.4-07].

### **2. Điểm mạnh**

Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ Trường tiểu học. Các bộ phận trong nhà trường có sự phối hợp chặt chẽ trong việc đảm bảo quyền của học sinh theo quy định, tạo điều kiện cho các em được phát triển toàn diện.

Học sinh có nhiều thành tích trong học tập, rèn luyện góp phần nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

### **3. Điểm yếu**

Năng lực tự phục vụ, tự quản và hợp tác của học sinh chưa cao.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ đầu năm học 2023-2024, hiệu trưởng thường xuyên phối hợp với Công ty Giáo dục kỹ năng sống tổ chức các chuyên đề ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm để được rèn luyện tư vấn và xử lý các tình huống trong cuộc sống.

Giáo viên chủ nhiệm phối hợp với giáo viên dạy bộ môn, giáo viên Tổng phụ trách Đội và nhân viên hỗ trợ giáo dục theo dõi, uốn nắn học sinh trong mọi hoạt động.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 3.

**Kết luận về Tiêu chuẩn 2:**

**Điểm mạnh nổi bật:**

Trường có số lượng và cơ cấu giáo viên đảm bảo để dạy các môn học bắt buộc theo quy định; 100% giáo viên được xếp loại khá trở lên chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học theo quy định tại Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT.

Đội ngũ nhân viên có ý thức kỷ luật trong lao động, có tinh thần đoàn kết tốt, có tinh thần học hỏi, nhiệt tình với công việc, có phong cách giao tiếp tốt trong môi trường sư phạm.

Nhà trường đảm bảo và thực hiện tốt các quy định về độ tuổi đi học của học sinh. Học sinh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình và đúng quy định.

**Điểm yếu cơ bản:**

Các phó hiệu trưởng nhà trường chưa tham gia học nâng cao trình độ Thạc sĩ quản lý giáo dục.

Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục năm 2019 chưa được đảm bảo theo quy định.

Năng lực tự phục vụ, tự quản và hợp tác của học sinh chưa cao.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/04.

**Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

**Mở đầu:**

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, có cổng trường, tường rào, sân chơi phù hợp với điều kiện địa phương; trường có 10 khu vệ sinh riêng biệt; có hệ thống nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Thư viện của trường có đầy đủ sách, báo, tài liệu tham khảo và phòng đọc sách đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của giáo viên, nhân viên và học sinh, có đủ các loại sổ sách theo quy định đối với thư viện.

Thiết bị giáo dục luôn đảm bảo, đồ dùng dạy học được trang bị đầy đủ. Ngoài ra, trường khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học và sử dụng đồ dùng dạy học có hiệu quả. Hàng năm, trường có biện pháp duy trì, tăng cường hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và thiết bị giáo dục hiện có, đảm bảo tiết kiệm và chống lãng phí về đồ dùng dạy học, thiết bị.

### ***Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập***

Mức 1:

*a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;*

*b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;*

*c) Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.*

Mức 2:

*a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;*

*b) Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.*

Mức 3:

*Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Khuôn viên trường có trồng nhiều cây xanh đảm bảo xanh, sạch, đẹp và an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh [H3-3.1-01].

b) Khuôn viên của trường có tường xây bảo vệ cao 02 m. Cổng trường và tường rào bằng bê tông cốt thép đảm bảo an toàn, thẩm mỹ. Cổng trường rộng, có biển tên trường rõ ràng, đáp ứng theo quy định tại khoản 2, Điều 5 của Điều lệ Trường tiểu học [H3-3.1-02].

c) Trường có sân chơi cũng là sân tập thể dục cho học sinh [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04].

Mức 2:

a) Diện tích khuôn viên của trường là 1525 m<sup>2</sup>. Diện tích sân chơi, sân vườn của trường là 420 m<sup>2</sup> chiếm 33,35% so với diện tích toàn trường. Diện tích khuôn viên, sân chơi chưa đảm bảo theo quy định [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04].

b) Sân chơi cũng là sân tập bằng phẳng đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04].

Mức 3:

Nhà trường đảm bảo trang bị cho học sinh sân chơi, sân tập, bằng phẳng, có cây xanh che bóng mát. Tuy nhiên, trường chưa trang bị đồ chơi, thiết bị vận động trong sân chơi, sân tập [H3-3.1-04].

## **2. Điểm mạnh**

Trường có khuôn viên xanh, sạch, đẹp, gọn gàng, có tường rào vững chắc đảm bảo tốt về an ninh trật tự, có nhiều cây xanh và cảnh quan môi trường tốt.

## **3. Điểm yếu**

Diện tích sân chơi, sân tập chưa đảm bảo theo quy định của Điều lệ Trường tiểu học.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2024-2025, hiệu trưởng tiếp tục quan tâm xây dựng cảnh quan trường học, đầu tư thêm trang thiết bị tập luyện và đồ chơi cho học sinh. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh đẩy nhanh tiến độ xây dựng mở rộng trường lớp để đảm bảo diện tích trường đạt 06 m<sup>2</sup>/học sinh theo quy định.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.**

### ***Tiêu chí 3.2: Phòng học***

Mức 1:

*a) Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;*

*b) Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định;*

*c) Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.*

Mức 2:

- a) Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;*
- c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.*

Mức 3:

*Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu (nếu có).*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Nhà trường có 16 phòng học xây dựng kiên cố đúng quy cách, đủ cho số lớp học 01 buổi/ngày. Phòng học có diện tích trung bình mỗi phòng là 48 m<sup>2</sup>. Mỗi phòng được trang trí ảnh Bác Hồ, bản đồ Việt Nam, bảng 05 điều Bác Hồ dạy, bảng trích thư Bác Hồ gửi học sinh theo đúng quy định [H3-3.1-03]; [H3-3.2-01].

b) Mỗi phòng học đều được trang bị đầy đủ bàn ghế học sinh theo đúng tiêu chuẩn, có bàn ghế cho giáo viên theo quy định. Bảng lớn trong mỗi phòng có màu xanh, kích thước là 1,2 m x 3,6 m. Cách treo bảng trong lớp học được đảm bảo quy định về vệ sinh trường học của Bộ Y tế [H1-1.6-07];[H3-3.2-01].

c) Các phòng học đều được trang bị đầy đủ hệ thống đèn, quạt, tủ đựng hồ sơ và thiết bị dạy học cho giáo viên [H3-3.2-01].

Mức 2:

a) Diện tích phòng học đồng đều là 48 m<sup>2</sup>. Đối chiếu với định mức 1,35 m<sup>2</sup>/học sinh đối với phòng học được quy định tại Phụ lục II, Định mức diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình trường tiểu học được ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có

nhiều cấp học và số lượng sĩ số học sinh hiện nay của trường thì diện tích phòng học chưa đảm bảo theo quy định [H1-1.5-01].

b) Trong các tủ ở phòng học, nhà trường đều trang bị đủ các thiết bị dạy học theo quy định tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đồ dùng dạy học do giáo viên tự làm [H3-3.2-02].

c) Bàn, ghế học sinh có kết cấu 02 chỗ ngồi, bàn rời ghế, cấu tạo mặt làm bằng gỗ sơn màu nâu, chân bằng sắt sơn, độ cao của bàn ghế phù hợp với học sinh từng khối lớp theo quy định [H3-3.2-01].

Mức 3:

Trường có 01 phòng giảng dạy môn Tin học nhưng chưa có các phòng riêng biệt để dạy các môn: Âm nhạc, Mỹ thuật, Khoa học, Ngoại ngữ và phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu [H3-3.1-03].

## **2. Điểm mạnh**

Trường có hệ thống các phòng học kiên cố hoặc bán kiên cố thoáng mát, đảm bảo đủ ánh sáng. Cơ sở vật chất, trang thiết bị tối thiểu đầy đủ phục vụ tốt cho việc dạy và học.

## **3. Điểm yếu**

Trường chưa bố trí các phòng riêng biệt để dạy các môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Khoa học.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2024-2025, nhà trường quan tâm thực hiện tốt việc bảo trì, bảo quản cũng như việc sử dụng hiệu quả các trang thiết bị phục vụ tốt cho hoạt động dạy - học. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh đẩy nhanh tiến độ xây dựng mở rộng trường lớp để có đủ phòng riêng biệt dạy các môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Khoa học và Ngoại ngữ.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.**

***Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị***

Mức 1:

a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;

b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

## Mức 2

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

## Mức 3

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

## 1. Mô tả hiện trạng

### Mức 1:

a) Nhà trường hiện có các phòng phục vụ học tập như: 01 phòng máy tính, 01 thư viện, 01 phòng thiết bị, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng tốt các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục [H3-3.3-01].

b) Khối hành chính - quản trị gồm các phòng: phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng giáo viên, phòng y tế học đường, kho, phòng bảo vệ. Các phòng đều trang bị các trang thiết bị tối thiểu để làm việc như bàn ghế, tủ đựng hồ sơ, máy tính và các phương tiện khác [H3-3.2-02].

c) Nhà trường có 01 nhà để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên có diện tích là 120 m<sup>2</sup> và có khu để xe cho học sinh diện tích là 70 m<sup>2</sup>. Các khu vực này đảm bảo an toàn, trật tự [H3-3.3-03].

### Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị đảm bảo thoáng mát, đủ ánh sáng. Tuy nhiên, phòng giáo viên có diện tích nhỏ chưa

đáp ứng được nhu cầu học và sinh hoạt chuyên môn của giáo viên toàn trường [H3-3.3-01]; [H3-3.3-02].

b) Hồ sơ, tài liệu, các văn bản đều được lưu trữ cẩn thận trong tủ hồ sơ, đảm bảo an toàn [H3-3.3-04].

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị của nhà trường có khá đầy đủ các thiết bị như máy móc, mạng Internet, tủ hồ sơ... được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường [H3-3.3-01]; [H3-3.3-02].

## **2. Điểm mạnh**

Khối hành chính - quản trị được trang bị đầy đủ thiết bị, máy tính có nối mạng Internet phục vụ tốt cho công tác quản lý, dạy và học đảm bảo theo quy định của Điều lệ Trường tiểu học.

## **3. Điểm yếu**

Phòng giáo viên có diện tích nhỏ chưa đáp ứng được nhu cầu học và sinh hoạt chuyên môn của giáo viên toàn trường.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2024-2025, hiệu trưởng nhà trường tiếp tục trang bị thêm các thiết bị cho khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị, đồng thời tham mưu các cấp lãnh đạo xây dựng mở rộng trường lớp để có đủ số phòng phục vụ học tập và phòng hành chính - quản trị riêng biệt, đảm bảo diện tích theo quy định.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.**

### ***Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước***

Mức 1:

*a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;*

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh có kế hoạch và chương trình hoạt động cụ thể trong năm học đúng quy định của Điều lệ Trường tiểu học và theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT [H4-4.1-01].

c) Trên cơ sở kế hoạch và chương trình hoạt động, Ban đại diện cha mẹ học sinh đã tổ chức thực hiện các kế hoạch theo đúng tiến độ đã đề ra. Trường luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban đại diện cha mẹ học sinh trong các hoạt động [H1-1.2-04]; [H4-4.1-01];

#### Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện tốt việc phối hợp với nhà trường trong các hoạt động giáo dục cho học sinh của trường; hỗ trợ nhà trường trong việc hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và các chủ trương, chính sách về giáo dục cho cha mẹ học sinh; huy động, vận động học sinh tích cực học tập. Các hoạt động do Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức, phối hợp đã mang lại kết quả cao; góp phần cùng nhà trường thực hiện nhiệm vụ chính trị chung. Tuy nhiên, còn tồn tại ở một vài lớp Ban đại diện cha mẹ học sinh chưa thật sự chủ động phối hợp cùng giáo viên chủ nhiệm trong một số hoạt động [H4-4.1-01]; [H4-4.1-03].

#### Mức 3:

Ngoài việc phối hợp có hiệu quả với nhà trường, Ban đại diện cha mẹ học sinh còn phối hợp tốt với chính quyền địa phương nơi nhà trường trú đóng nhằm bảo đảm an toàn, an ninh trật tự, tạo môi trường sự phạm lành mạnh; góp phần giúp nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao [H4-4.1-01]; [H4-4.1-03].

### **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có mối liên hệ chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh, có sự thống nhất kế hoạch và hoạt động hiệu quả.

Các hoạt động do Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức, phối hợp đã mang lại kết quả cao; góp phần cùng nhà trường thực hiện nhiệm vụ chính trị chung.

### **3. Điểm yếu**

Ban đại diện Cha mẹ học sinh ở vài lớp chưa thật sự chủ động phối hợp cùng giáo viên chủ nhiệm trong một số hoạt động.

#### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2024-2025, nhà trường tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động hiệu quả. Hiệu trưởng vận động Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp tham gia đầy đủ các buổi họp định kỳ và chủ động góp ý xây dựng các hoạt động giáo dục của trường.

#### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.**

***Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường***

Mức 1:

*a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;*

*c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.*

Mức 2:

*a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;*

*b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.*

Mức 3:

*Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.*

## 1. Mô tả hiện trạng

### Mức 1:

a) Trường có kế hoạch phối hợp tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường như: biện pháp tổ chức các hoạt động huy động học sinh ra lớp, công tác phổ cập giáo dục, công tác môi trường. Các giải pháp tham mưu phối hợp để phát triển nhà trường thể hiện qua các báo cáo, biên bản, nghị quyết của chi bộ hàng tháng [H1-1.3-09].

b) Chiến lược phát triển của trường giai đoạn 2021-2026 được nhà trường niêm yết công khai tại trường và gửi cấp ủy Đảng, chính quyền, các tổ chức, đoàn thể của địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh [H1-1.1-01].

Nhà trường tổ chức cho giáo viên chủ nhiệm các lớp triển khai kế hoạch năm học của nhà trường, kế hoạch giảng dạy và giáo dục học sinh, cách đánh giá học sinh tiểu học đến toàn thể cha mẹ học sinh trong phiên họp đầu năm của lớp để cùng tham gia góp ý và hỗ trợ thực hiện [H4-4.1-02].

c) Nhà trường huy động sự hỗ trợ tự nguyện cả về tinh thần, vật chất của các tổ chức, cá nhân để chăm lo cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ sửa chữa đèn quạt, tặng cường măng xanh cho nhà trường, khen thưởng học sinh đạt thành tích xuất sắc trong học tập và phong trào [H4-4.2-01].

### Mức 2:

a) Nhà trường luôn chủ động tham mưu với Đảng ủy, chính quyền xã Vĩnh Lộc A để tạo điều kiện cho nhà trường tổ chức các hoạt động giảng dạy và giáo dục, nhằm thực hiện tốt kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [H1-1.1-01]; [H1-1.3-09].

b) Trong mỗi năm học, nhà trường luôn phối hợp kịp thời với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; tổ chức cho học sinh tham quan, chăm sóc di tích lịch sử Dân công Hoả tuyến, chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, thăm hỏi Mẹ Việt Nam Anh hùng Phan Thị Phởi, ngụ tại xã Vĩnh Lộc A [H4-

4.2-02].

Mức 3:

Nhà trường chưa có kế hoạch tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp các tổ chức, cá nhân để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường thực hiện tốt công tác huy động được các nguồn lực về tinh thần, vật chất để hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

Tổ chức có hiệu quả việc cho học sinh tham quan chăm sóc di tích lịch sử Dân công Hoả tuyến, chăm sóc Bà mẹ Việt Nam Anh hùng tại địa phương.

## **3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có kế hoạch tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp các tổ chức, cá nhân để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2024-2025, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 2.

## **Kết luận về tiêu chuẩn 4:**

### **Điểm mạnh nổi bật:**

Nhà trường có mối liên hệ chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh, có sự thống nhất kế hoạch và hoạt động hiệu quả.

Các hoạt động do Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức, phối hợp đã mang lại kết quả cao; góp phần cùng nhà trường thực hiện nhiệm vụ chính trị chung.

Nhà trường phối hợp tốt với chính quyền, các tổ chức, đoàn thể ở địa phương trong việc thực hiện các kế hoạch; huy động được các nguồn lực về tinh thần, vật chất tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Tổ chức có hiệu quả việc cho học sinh tham quan chăm sóc di tích lịch sử Dân công Hoả tuyến, chăm sóc Bà mẹ Việt Nam Anh hùng tại địa phương.

### **Điểm yếu cơ bản:**

Ban đại diện Cha mẹ học sinh ở vài lớp chưa thật sự chủ động phối hợp cùng giáo viên chủ nhiệm trong một số hoạt động.

Nhà trường chưa có kế hoạch tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp các tổ chức, cá nhân để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/02

### **Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục**

#### **Mở đầu:**

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giáo dục, nhà trường đã có nhiều giải pháp chỉ đạo để đạt hiệu quả giáo dục như: Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch hoạt động về chuyên môn, kế hoạch các hoạt động ngoài giờ lên lớp.... Các kế hoạch được xây dựng chi tiết và triển khai kịp thời, phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương. Giáo viên biết lựa chọn nội dung, hình thức tổ chức và phương pháp dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Các hoạt động ngoài giờ lên lớp được tổ chức thường xuyên, dưới nhiều hình thức góp phần giúp học sinh được phát triển toàn diện. Ngoài ra, việc tổ chức tuyên truyền giáo dục sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục bảo vệ môi trường,... cho học sinh luôn được nhà trường quan tâm tổ chức thực hiện. Hiệu quả giáo dục của nhà trường ngày càng được cải thiện và nâng cao.

#### ***Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường***

Mức 1:

a) *Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*

b) *Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;*

*c) Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.*

Mức 2:

*a) Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;*

*b) Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học được ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 và Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành chương trình giáo dục phổ thông; đảm bảo theo các quy định về chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bình Chánh. Căn cứ kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, các tổ trưởng chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn của tổ theo từng tháng, tuần phù hợp với tình hình thực tế của trường [H1-1.1-03]; [H5-5.1-01]; [H5-5.1-02].

b) Các hoạt động giáo dục được nhà trường xây dựng trong kế hoạch giáo dục mỗi năm học bao gồm: chương trình dạy học các môn học, các hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp và các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Các hoạt động này đảm bảo được mục tiêu giáo dục toàn diện cho học sinh [H1-1.1-03]; [H5-5.1-01].

c) Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục của trường hàng năm được Cụm chuyên môn, Khối thi đua góp ý và được lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bình Chánh phê duyệt [H1-1.1-03].

Mức 2:

a) Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục hằng năm của nhà trường được xây dựng căn cứ vào Kế hoạch công tác giáo dục tiểu học của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục cấp

Tiêu học của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bình Chánh nên các quy định về chuyên môn được đảm bảo cập nhật kịp thời, tuy nhiên kế hoạch giáo dục chưa thường xuyên rà soát bổ sung điều chỉnh cho phù hợp thực tế. [H1-1.1-03].

b) Nhà trường đã tổ chức phổ biến, công khai kế hoạch thực hiện nhiệm vụ mỗi năm học đến giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng để các lực lượng giáo dục biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch. [H1-1.6-04]; [H4-4.1-01].

## **2. Điểm mạnh**

Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục của nhà trường hàng năm được xây dựng đảm bảo theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện, kế hoạch đã được Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bình Chánh phê duyệt và được phổ biến công khai.

## **3. Điểm yếu**

Kế hoạch giáo dục nhà trường chưa thường xuyên thay đổi linh hoạt, phù hợp thực tế.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2024-2025, hiệu trưởng căn cứ vào điều kiện thực tế của nhà trường xây dựng kế hoạch năm học 2024-2025 và các năm học sau đảm bảo theo quy định của Chương trình Giáo dục phổ thông hiện hành và Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, đảm bảo thực hiện linh hoạt kế hoạch phù hợp thực tế.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.**

### ***Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học***

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;

c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

Mức 2:

*a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;*

*b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.*

Mức 3:

*Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Giáo viên tổ chức giảng dạy đúng đủ các môn học và các hoạt động giáo dục, đảm bảo yêu cầu theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, mục tiêu giáo dục [H5-5.1-02]; [H5-5.2-01].

b) Trong giảng dạy, giáo viên lựa chọn và vận dụng các phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học, hình thức tổ chức dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy, sử dụng các phương tiện nghe nhìn để giảng dạy đảm bảo mục tiêu và phù hợp với từng đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường [H5-5.2-02].

c) Trường triển khai đến toàn thể giáo viên thực hiện quy định về đánh giá học sinh tiểu học theo tinh thần Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học và Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học [H1-1.6-02]; [H5-5.2-03].

## Mức 2:

a) Giáo viên thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh; thực hiện tích hợp các nội dung giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục biển đảo, giáo dục tiết kiệm năng lượng, giáo dục đạo đức Bác Hồ,... phù hợp từng thời điểm, phù hợp với địa phương. Tuy nhiên có một số giáo viên lớn tuổi còn hạn chế trong việc vận dụng linh hoạt các kỹ thuật, phương pháp dạy học mới [H5-5.1-02]; [H5-5.2-01]; [H5-5.2-02].

b) Căn cứ vào việc bàn giao chất lượng giáo dục đầu năm, trường và các tổ khối xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu giúp các em đạt nhiều thành tích cao trong các hội thi cấp huyện, thành phố. Việc phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện cũng được giáo viên quan tâm đúng mức và đạt hiệu quả cao, chất lượng giáo dục ổn định [H1-1.1-04]; [H5-5.2-04]; [H5-5.2-05].

## Mức 3:

Trường thường xuyên thực hiện việc đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp để làm cơ sở cho việc điều chỉnh, bổ sung, thay đổi nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục. Qua đó, trường luôn duy trì và nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh [H1-1.1-04]; [H1-1.4-05].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc chương trình dạy học theo quy định. Bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng và gặp khó khăn trong học tập đạt hiệu quả cao.

## **3. Điểm yếu**

Giáo viên lớn tuổi còn hạn chế trong việc vận dụng linh hoạt các kỹ thuật, phương pháp dạy học mới.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2024-2025, hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo các tổ chuyên môn thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả chương trình giáo dục.

Phó hiệu trưởng và tổ chuyên môn tiếp tục bồi dưỡng, tư vấn giáo viên bằng nhiều hình thức như: chuyên đề, thao giảng, hướng dẫn đồng nghiệp,... giúp giáo viên nâng cao hiệu quả vận dụng việc đổi mới phương pháp dạy học, kỹ thuật dạy học và hình thức dạy học nhằm phát huy tối đa sự chủ động và tích cực của học sinh, phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh.

**5. Tự đánh giá:** đạt Mức 3.

***Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác***

Mức 1:

- a) *Đảm bảo theo kế hoạch;*
- b) *Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;*
- c) *Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.*

Mức 2:

*Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.*

Mức 3:

*Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Căn cứ vào kế hoạch năm học, nhà trường đã phối hợp tốt với các đoàn thể trong nhà trường và cha mẹ học sinh để chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoại khoá, hoạt động trải nghiệm, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo chủ điểm năm, tháng, tuần và thực hiện đảm bảo đúng theo kế hoạch đã đề ra.

Nhà trường luôn quan tâm đến việc tổ chức thực hiện giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống, giáo dục giới tính, giáo dục phòng chống xâm hại... phù hợp với độ tuổi học sinh, bằng cách dạy lồng ghép, tích hợp trong giờ dạy chính khóa và các hoạt động ngoại khoá. Mỗi năm học đều có tổ chức cho học sinh tham quan, chăm sóc di tích lịch sử Dân công Hoả tuyến, chăm sóc gia đình thương

binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng Phan Thị Phở ngụ tại xã Vĩnh Lộc A [H4-4.2-02]; [H5-5.3-01].

b) Nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức khác nhau, phong phú, đa dạng, phù hợp với điều kiện nhà trường, phù hợp với lứa tuổi, nhu cầu của học sinh, tạo được sự hứng thú và góp phần nâng cao chất lượng học tập, rèn luyện đạo đức cho học sinh. Hoạt động ngoài giờ lên lớp với nhiều nội dung, hình thức phong phú như: sinh hoạt Đội thiếu niên Tiền phong, phong trào văn nghệ, thể dục thể thao, giáo dục sức khỏe phòng chống dịch bệnh, các ngày hội giao tiếp Tiếng Anh, an toàn giao thông, kể chuyện theo sách, trò chơi dân gian, viết chữ đẹp, tìm hiểu lịch sử truyền thống, chăm sóc di tích lịch sử địa phương, lao động vệ sinh môi trường, hướng dẫn học sinh tập hát dân ca, các điệu lý, hò vè, sử ca, hướng dẫn học sinh các trò chơi dân gian, kể chuyện theo sách, văn nghệ, vẽ tranh... [H1-1.1-03]; [H5-5.3-01].

c) Các hoạt động được nhà trường tổ chức có hiệu quả, chú trọng đến việc tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động nhằm rèn luyện kỹ năng của bản thân, đối với các học sinh không có điều kiện đi tham quan, sẽ được tham gia các hoạt động học tập phong phú tại trường như: xem phim tư liệu về các di tích lịch sử, vẽ tranh theo chủ đề, sinh hoạt vui chơi tập thể... [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04]; [H5-5.3-01].

#### Mức 2:

Nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục có hiệu quả, thu hút học sinh tham gia. Các hoạt động ngoài giờ lên lớp được giáo viên nhà trường hoặc phối hợp với các trung tâm, các công ty tổ chức xây dựng đều hướng tới các hoạt động giúp học sinh thực hành các nội dung đã học trên lớp, vui chơi bổ ích tăng tính sáng tạo cho học sinh, phù hợp mọi đối tượng học sinh được học sinh, cha mẹ học sinh tham gia rất nhiệt tình. Tuy nhiên, còn một số học sinh còn nhút nhát, thụ động khi tham gia vào các hoạt động [H5-5.2-05]; [H5-5.3-01].

#### Mức 3:

Nhà trường tổ chức tốt các hoạt động giáo dục có nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh. Bên

cạnh các hoạt động ngoài giờ lên lớp phong phú đa dạng, nhà trường có tổ chức các câu lạc bộ như: Bóng đá, Bóng rổ, Võ thuật, Âm nhạc... hoạt động hàng tuần, đáp ứng tốt cho việc phát huy năng khiếu, năng lực sở trường của học sinh. Tuy nhiên, việc thực hiện kế hoạch giáo dục ngoài giờ lên lớp của trường đôi khi chưa đúng thời gian đã dự kiến [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm ngoài giờ lên lớp với nhiều hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với lứa tuổi học sinh.

Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường tích cực tham gia các hoạt động ngoại khoá, giáo dục trải nghiệm ngoài giờ lên lớp.

## **3. Điểm yếu**

Học sinh còn nhút nhát, thụ động khi tham gia vào các hoạt động.

Việc thực hiện kế hoạch giáo dục ngoài giờ lên lớp đôi khi chưa đúng thời gian.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2024-2025, hiệu trưởng chỉ đạo tổ chuyên môn và giáo viên tiếp tục duy trì và thực hiện hiệu quả việc giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh, tạo điều kiện thuận lợi nhất để các em tham gia vào quá trình học tập một cách tích cực, chủ động, sáng tạo.

Giáo viên chủ nhiệm lớp chủ động thực hiện kế hoạch giáo dục ngoài giờ lên lớp phù hợp với điều kiện của lớp, của trường.

Hiệu trưởng linh động lựa chọn các địa điểm phù hợp và chia làm nhiều đợt để tất cả các em đều tham gia đầy đủ các buổi hoạt động ngoại khóa tại địa phương.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.**

### ***Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học***

Mức 1:

*a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;*

*b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;*

*c) Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.*

Mức 2:

*Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.*

Mức 3:

*Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.*

## **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Trong những năm học vừa qua, trường đã thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ phổ cập giáo dục tiểu học theo phân công. Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A và Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bình Chánh, trường phân công nhân viên phụ trách kiêm nhiệm công tác phổ cập để liên hệ với cán bộ phụ trách phổ cập của xã trong công tác phổ cập giáo dục tiểu học, chống tái mù chữ [H5-5.4-01]; [H5-5.4-02].

b) Hằng năm, nhà trường kết hợp với chính quyền địa phương huy động, lập danh sách và tổ chức tiếp nhận 100% học sinh vào lớp 1 đúng độ tuổi theo phân tuyến trên địa bàn, theo kế hoạch của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A; thực hiện tốt “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”. Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh, thành lập Ban tuyển sinh theo từng năm học [H5-5.4-03].

c) Hằng năm, nhân viên thực hiện công tác phổ cập giáo dục tiểu học của nhà trường có lưu hồ sơ, văn bản của các cấp theo yêu cầu như: sổ đăng bộ, hồ sơ phổ cập giáo dục, học bạ, hồ sơ tuyển sinh lớp 1. Tuy nhiên việc lưu trữ hồ sơ phổ cập chưa khoa học, khi cần khó tìm kiếm [H1-1.6-01]; [H1-1.6-03]; [H5-5.4-03].

Mức 2:

Trong những năm qua, tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 của trường luôn đạt 100% [H5-5.4-03].

Mức 3:

Nhà trường luôn thực hiện tốt việc duy trì tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100% [H5-5.4-03].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường phối hợp chặt chẽ cùng địa phương tổ chức điều tra, thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục tiểu học.

Nhà trường luôn thực hiện tốt việc duy trì tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%.

## **3. Điểm yếu**

Nhân viên văn thư thực hiện việc lưu trữ hồ sơ phổ cập chưa khoa học, khi cần khó tìm kiếm.

## **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2024-2025, hiệu trưởng tiếp tục phối hợp với địa phương để thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục, quan tâm chỉ đạo việc lưu trữ hồ sơ phổ cập sao cho khoa học, khi cần dễ tìm kiếm.

## **5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.**

### ***Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục***

Mức 1:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 80%;*
- b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 75%;*
- c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.*

Mức 2:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;*
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.*

Mức 3:

- a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;*

*b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.*

### **1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

a) Hằng năm, trường có thống kê kết quả học tập và rèn luyện của học sinh sau mỗi học kỳ và cuối năm. Các số liệu thống kê đầy đủ, chính xác theo từng khối lớp và toàn trường theo đúng quy định. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học luôn đạt trên 96% [H1-1.1-04]; [H5-5.5-01].

b) Trong những năm học qua, tỷ lệ học sinh 11 tuổi của nhà trường hoàn thành chương trình tiểu học luôn đảm bảo trên 93% [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02].

c) Tỷ lệ học sinh 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học luôn đảm bảo là 99% [H5-5.5-02].

Mức 2:

a) Trong 5 năm liên từ năm học 2019-2020 đến năm học 2023-2024, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt tối thiểu là 97%. Năm học 2023-2024, học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt tỷ lệ 98% là tỷ lệ thấp nhất trong giai đoạn 2017-2022 [H1-1.1-04]; [H5-5.5-01].

b) Nhà trường có tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt tối thiểu 95%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp trong nhà trường [H5-5.5-02].

Mức 3:

a) Trong 5 năm liên, từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022, kết quả giáo dục luôn giữ vững và ổn định, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt kết quả cao [H1-1.1-04]; [H5-5.5-01].

b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt từ 95% trở lên trong đó năm học 2020-2021 đạt cao nhất là 96%. Tỷ lệ này là còn thấp do học sinh thuộc diện dân nhập cư, mới chuyển trường đến trường học trễ tuổi và học sinh còn bị lưu ban trong khóa học [H1-1.1-04]; [H5-5.5-02].

### **2. Điểm mạnh**

Kết quả xếp loại giáo dục của học sinh trong nhà trường được giữ vững và ổn định qua nhiều năm, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt kết quả cao.

### **3. Điểm yếu**

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đúng 11 tuổi chỉ đạt 95% do học sinh thuộc diện dân nhập cư, mới chuyển trường đến trường học trễ tuổi và học sinh còn bị lưu ban trong khóa học.

### **4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2024-2025, hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy, tăng cường trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm về phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng; dạy cá nhân học sinh khuyết tật hòa nhập nhằm nâng cao hơn nữa tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học và nâng cao tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học.

### **5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.**

#### **Kết luận về tiêu chuẩn 5:**

#### **Điểm mạnh nổi bật:**

Kế hoạch chuyên môn của trường đảm bảo theo quy định của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, quy định chuyên môn.

Nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc chương trình dạy học theo quy định, bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chưa đạt chuẩn kiến thức kỹ năng và gặp khó khăn trong học tập đạt hiệu quả cao.

Nhà trường phối hợp chặt chẽ cùng địa phương tổ chức điều tra, thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục tiểu học, duy trì tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 của trường luôn đạt 100%.

Kết quả xếp loại giáo dục của học sinh trong nhà trường được giữ vững và ổn định qua nhiều năm, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt kết quả cao.

#### **Điểm yếu cơ bản:**

Trường còn vài giáo viên lớn tuổi hạn chế trong việc vận dụng linh hoạt các kỹ thuật, phương pháp dạy học mới.

Nhân viên văn thư thực hiện việc lưu trữ hồ sơ phổ cập chưa khoa học, khi cần khó tìm kiếm.

Tỉ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình lớp học chưa cao.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 05/05

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0/05

### **Phần III**

### **KẾT LUẬN CHUNG**

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 08 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, Trường Tiểu học Vĩnh Lộc 1 đạt được kết quả cụ thể như sau:

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 1: 27/27 (tỷ lệ: 100%);
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 1: 00/27 (tỷ lệ: 0%);
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 2: 23/27 (tỷ lệ: 85,18%);
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 2: 04/27 (tỷ lệ: 14,82%);
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 12/19 (tỷ lệ: 63,15%);
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 3: 07/19 (tỷ lệ: 36,85%);
- Mức đánh giá của Trường Tiểu học Vĩnh Lộc 1: Mức 1;
- Trường Tiểu học Vĩnh Lộc 1 đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1.

Trong những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục hoàn thiện và cải tiến công tác quản lý, tổ chức hoạt động giáo dục để từng bước đưa nhà trường ngày một đi lên và phấn đấu đạt cấp độ cao hơn./.

*Bình Chánh, ngày 25 tháng 6 năm 2024*

**HIỆU TRƯỞNG**



**Phan Văn Cư**

**Phần IV**  
**PHỤ LỤC**  
**BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG**

| <b>Tiêu chí</b>     | <b>Số TT</b> | <b>Mã minh chứng</b> | <b>Tên minh chứng</b>                            | <b>Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...</b>                  | <b>Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện</b> | <b>Ghi chú (nơi lưu trữ)</b> |
|---------------------|--------------|----------------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|------------------------------|
| <b>Tiêu chí 1.1</b> | 1            | [H1-1.1-01]          | Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường    | Giai đoạn 2021-2025                                                                                   | Hiệu trưởng                                      | Hiệu trưởng                  |
|                     | 2            | [H1-1.1-02]          | Biên bản niêm yết kế hoạch phát triển chiến lược | Năm học 2021                                                                                          | Hiệu trưởng                                      | Nhân viên văn thư            |
|                     | 3            | [H1-1.1-03]          | Kế hoạch năm học                                 | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Hiệu trưởng                                      | Nhân viên văn thư            |

|                         |   |             |                                                        |                                                                                                       |                                        |                      |
|-------------------------|---|-------------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------|
|                         | 4 | [H1-1.1-04] | Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học                       | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Hiệu trưởng                            | Nhân viên<br>văn thư |
| <b>Tiêu chí<br/>1.2</b> | 1 | [H1-1.2-01] | Quyết định thành lập Hội đồng trường                   | Số: 3118/QĐ-UBND<br>ngày 07 tháng 4 năm<br>2021                                                       | Ủy ban nhân<br>dân huyện<br>Bình Chánh | Nhân viên<br>văn thư |
|                         | 2 | [H1-1.2-02] | Quyết định thành lập Hội đồng Thi đua<br>- Khen thưởng | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Hiệu trưởng                            | Nhân viên<br>văn thư |
|                         | 3 | [H1-1.2-03] | Quyết định thành lập Hội đồng Tư vấn                   | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Hiệu trưởng                            | Nhân viên<br>văn thư |

|                     |   |             |                                              |                                                                                                       |                                     |                        |
|---------------------|---|-------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------|
|                     | 4 | [H1-1.2-04] | Biên bản họp của Hội đồng trường             | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Hội đồng trường                     | Thư kí Hội đồng trường |
|                     | 5 | [H1-1.2-05] | Biên bản họp của các Hội đồng Tư vấn         | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Hội đồng tư vấn                     | Nhân viên văn thư      |
| <b>Tiêu chí 1.3</b> | 1 | [H1-1.3-01] | Quyết định công nhận Ban Chấp hành Công đoàn | Nhiệm kì 2019-2022<br>Nhiệm kì 2023-2028                                                              | Liên đoàn Lao động huyện Bình Chánh | Chủ tịch Công đoàn     |
|                     | 2 | [H1-1.3-02] | Quyết định công nhận Ban Chấp hành Chi đoàn  | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                      | Ban Chấp hành Đoàn xã Vĩnh Lộc A    | Bí thư Chi đoàn        |

|  |   |             |                                                                                        |                                                                                                       |                                                                   |                                                               |
|--|---|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
|  |   |             |                                                                                        | Năm học 2023-2024                                                                                     |                                                                   |                                                               |
|  | 3 | [H1-1.3-03] | Quyết định thành lập Ban Chỉ huy Liên đội                                              | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Hội đồng Đội<br>huyện Bình<br>Chánh                               | Tổng phụ<br>trách Đội                                         |
|  | 4 | [H1-1.3-04] | Quyết định thành lập Ban Chấp hành<br>Chi hội Khuyến học trường Tiểu học<br>Vĩnh Lộc 1 | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Hội Khuyến<br>học xã<br>VĩnhLộc A                                 | Hiệu trưởng                                                   |
|  | 5 | [H1-1.3-05] | Văn kiện Đại hội Công đoàn, Chi đoàn,<br>Liênđội                                       | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Ban chấp<br>hành Công<br>đoàn, Chi<br>đoàn, Tổng<br>phụ trách Đội | Ban chấp<br>hành Công<br>đoàn, Chi<br>đoàn, Tổng<br>phụ trách |

|   |             |                                                                     |                                                                                                       |                                                                  |                                                       |     |
|---|-------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-----|
|   |             |                                                                     |                                                                                                       |                                                                  |                                                       | Đội |
| 6 | [H1-1.3-06] | Kế hoạch và Báo cáo tổng kết Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội hàng năm | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Ban chấp hành Công đoàn, Chi đoàn, Tổng phụ trách Đội            | Ban chấp hành Công đoàn, Chi đoàn, Tổng phụ trách Đội |     |
| 7 | [H1-1.3-07] | Giấy khen các cấp dành cho Hội Khuyến học trường                    | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Ủy ban nhân dân xã VĩnhLộc A<br>Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh | Nhân viên văn thư                                     |     |
| 8 | [H1-1.3-08] | Biên bản sinh hoạt Chi bộ                                           | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                      | Chi bộ                                                           | Bí thư chi bộ                                         |     |

|    |             |                                                                        |  |                                                                                                       |                           |                                |
|----|-------------|------------------------------------------------------------------------|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------------|
|    |             |                                                                        |  | Năm học 2023-2024                                                                                     |                           |                                |
| 9  | [H1-1.3-09] | Quyết định thành lập chi bộ                                            |  | Năm 2010                                                                                              | Đảng uỷ xã<br>Vĩnh Lộc A  | Bí thư chi bộ                  |
| 10 | [H1-1.3-10] | Quyết định chuẩn y cấp uỷ                                              |  | Năm 2022                                                                                              | Đảng uỷ xã<br>Vĩnh Lộc A  | Bí thư chi bộ                  |
| 11 | [H1-1.3-11] | Thông báo kết quả đánh giá, phân loại<br>chất lượng tổ chức cơ sở Đảng |  | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Đảng uỷ xã<br>Vĩnh Lộc A  | Bí thư chi bộ                  |
| 12 | [H1-1.3-12] | Hình ảnh hoạt động của Công đoàn                                       |  | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Công đoàn cơ<br>sở trường | Chủ tịch<br>Công đoàn<br>cơ sở |
| 13 | [H1-1.3-13] | Hình ảnh hoạt động của Chi đoàn, Liên<br>đội                           |  | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021                                                                | Chi đoàn<br>Liên đội      | Bí thư chi<br>đoàn             |

|                         |    |             |                                                                                                               |                                                                                                                   |                                        |                       |
|-------------------------|----|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------|
|                         |    |             |                                                                                                               | Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024                                                       |                                        | Tổng phụ<br>trách Đội |
|                         | 14 | [H1-1.3-14] | Quyết định công nhận chi bộ hoàn<br>thành tốt nhiệm vụ                                                        | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024             | Bí thư Đảng<br>ủy xã Vĩnh<br>Lộc A     | Bí thư chi bộ         |
| <b>Tiêu chí<br/>1.4</b> | 1  | [H1-1.4-01] | Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng<br>Quyết định bổ nhiệm phó hiệu trưởng<br>Quyết định bổ nhiệm phó hiệu trưởng | Số: 6218/QĐ-UBND<br>ngày 20/11/2020<br>Số: 6076/QĐ-UBND<br>ngày 10/11/2020<br>Số: 6192/QĐ-UBND<br>ngày 11/10/2021 | Ủy ban nhân<br>dân huyện<br>Bình Chánh | Hiệu trưởng           |
|                         | 2  | [H1-1.4-02] | Quyết định phân công tổ chuyên môn,<br>tổ văn phòng                                                           | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                                  | Hiệu trưởng                            | Hiệu trưởng           |

|  |   |             |                                                                                |                                                                                                       |                      |                 |
|--|---|-------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|
|  |   |             |                                                                                | Năm học 2023-2024                                                                                     |                      |                 |
|  | 3 | [H1-1.4-03] | Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn, tổ văn phòng              | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Hiệu trưởng          | Hiệu trưởng     |
|  | 4 | [H1-1.4-04] | Kế hoạch hoạt động theo tuần, tháng, năm học của tổ chuyên môn và tổ văn phòng | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Tổ trưởng chuyên môn | Phó hiệu trưởng |
|  | 5 | [H1-1.4-05] | Biên bản họp tổ chuyên môn                                                     | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Tổ trưởng chuyên môn | Phó hiệu trưởng |

|  |   |             |                                                                  |                                                                                                       |                           |                      |
|--|---|-------------|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------|
|  | 6 | [H1-1.4-06] | Biên bản họp tổ văn phòng                                        | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Tổ trưởng tổ<br>văn phòng | Nhân viên<br>văn thư |
|  | 7 | [H1-1.4-07] | Kế hoạch hoạt động theo tuần, tháng,<br>năm học của tổ văn phòng | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Tổ trưởng tổ<br>văn phòng | Phó hiệu<br>trưởng   |
|  | 8 | [H1-1.4-08] | Hồ sơ thao giảng chuyên đề của tổ<br>chuyên môn                  | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Tổ chuyên<br>môn          | Phó hiệu<br>trưởng   |
|  | 9 | [H1-1.4-09] | Hồ sơ thao giảng chuyên đề của trường                            | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022                                           | Phó hiệu<br>trưởng        | Phó hiệu<br>trưởng   |

|                         |    |             |                                            |                                                                                                       |                      |                 |
|-------------------------|----|-------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------|
|                         |    |             |                                            | Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024                                                                |                      |                 |
|                         | 10 | [H1-1.4-10] | Báo cáo sơ kết, tổng kết của tổ chuyên môn | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Tổ trưởng chuyên môn | Phó hiệu trưởng |
| <b>Tiêu chí<br/>1.5</b> | 1  | [H1-1.5-01] | Bảng thống kê số liệu đầu năm              | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Phó hiệu trưởng      | Văn thư         |
|                         | 2  | [H1-1.5-02] | Biên bản bầu Ban cán sự lớp                | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Giáo viên            | Phó hiệu trưởng |

|                         |   |             |                                                  |                                                                                                       |                      |                      |
|-------------------------|---|-------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
|                         | 3 | [H1-1.5-03] | Sổ chủ nhiệm giáo viên                           | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Giáo viên            | Phó hiệu trưởng      |
|                         | 4 | [H1-1.5-04] | Danh sách học sinh từng lớp hàng năm             | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Hiệu trưởng          | Văn thư              |
| <b>Tiêu chí<br/>1.6</b> | 1 | [H1-1.6-01] | Sổ đăng bộ                                       | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Nhân viên<br>văn thư | Nhân viên<br>văn thư |
|                         | 2 | [H1-1.6-02] | Bảng tổng hợp kết quả kiểm tra đánh giá học sinh | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022                                           | Giáo viên            | Phó hiệu trưởng      |

|  |   |             |                                                  |                                                                                                       |                      |                      |
|--|---|-------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
|  |   |             |                                                  | Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024                                                                |                      |                      |
|  | 3 | [H1-1.6-03] | Học bạ                                           | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Giáo viên            | Nhân viên<br>văn thư |
|  | 4 | [H1-1.6-04] | Sổ nghị quyết họp hội đồng sư phạm<br>nhà trường | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Hiệu trưởng          | Nhân viên<br>văn thư |
|  | 5 | [H1-1.6-05] | Phần mềm quản lý nhân sự                         | Năm học 2020-2021                                                                                     | Nhân viên<br>văn thư | Nhân viên<br>văn thư |
|  | 6 | [H1-1.6-06] | Sổ khen thưởng                                   | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                      | Hiệu trưởng          | Nhân viên<br>văn thư |

|  |   |             |                    |                                                                                                       |                      |                      |
|--|---|-------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
|  |   |             |                    | Năm học 2023-2024                                                                                     |                      |                      |
|  | 7 | [H1-1.6-07] | Sổ quản lý tài sản | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Nhân viên<br>kế toán | Nhân viên<br>kế toán |
|  | 8 | [H1-1.6-08] | Sổ công văn đến    | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Nhân viên<br>văn thư | Nhân viên<br>văn thư |
|  | 9 | [H1-1.6-09] | Sổ công văn đi     | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Nhân viên<br>văn thư | Nhân viên<br>văn thư |

|  |    |             |                                                     |                                                                                                       |                                            |                    |
|--|----|-------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------|
|  | 10 | [H1-1.6-10] | Biên bản kiểm tra hồ sơ quản lý của cấp trên        | Năm học 2020-2021                                                                                     | Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bình Chánh | Hiệu trưởng        |
|  | 11 | [H1-1.6-11] | Hồ sơ dự toán, biên bản quyết toán tài chính        | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Phòng Tài chính huyện Bình Chánh           | Nhân viên kế toán  |
|  | 12 | [H1-1.6-12] | Hồ sơ Hội nghị viên chức và người lao động hàng năm | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Ban Chấp hành Công đoàn                    | Chủ tịch Công đoàn |
|  | 13 | [H1-1.6-13] | Quy chế chi tiêu nội bộ                             | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                      | Hiệu trưởng                                | Nhân viên kế toán  |

|                     |    |             |                                                                                               |                                                                                  |                                  |                                            |
|---------------------|----|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------------------|
|                     |    |             |                                                                                               | Năm học 2023-2024                                                                |                                  |                                            |
|                     | 14 | [H1-1.6-14] | Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bản vẽ hiện trạng                                          | Năm 2019                                                                         | Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh | Hiệu trưởng                                |
|                     | 15 | [H1-1.6-15] | Biên bản thanh lý tài sản                                                                     | Năm học 2021-2022                                                                | Hiệu trưởng                      | Nhân viên kế toán                          |
|                     | 16 | [H1-1.6-16] | Cổng thông tin điện tử cl.hcm.edu.vn;<br>Cơ sở dữ liệu csdl.moet.gov.vn                       | Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022                                           | Phó hiệu trưởng                  | Giáo viên phụ trách công thông tin điện tử |
|                     | 17 | [H1-1.6-17] | Phần mềm kế toán IMAS, chữ ký số giao dịch Bảo hiểm xã hội và dịch vụ công trực tuyến Kho bạc | Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022                                           | Hiệu trưởng                      | Nhân viên kế toán                          |
| <b>Tiêu chí 1.7</b> | 1  | [H1-1.7-01] | Kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ hàng năm                                                           | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023 | Hiệu trưởng                      | Phó hiệu trưởng                            |

|  |   |             |                                                                               |                                                                                                       |                         |                    |
|--|---|-------------|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------|
|  |   |             |                                                                               | Năm học 2023-2024                                                                                     |                         |                    |
|  | 2 | [H1-1.7-02] | Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên hàng năm                                      | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Hiệu trưởng             | Phó hiệu trưởng    |
|  | 3 | [H1-1.7-03] | Quyết định phân công nhiệm vụ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hàng năm | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Hiệu trưởng             | Nhân viên văn thư  |
|  | 4 | [H1-1.7-04] | Báo cáo sơ kết, tổng kết của công đoàn hàng năm                               | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Ban Chấp hành công đoàn | Chủ tịch công đoàn |
|  | 5 | [H1-1.7-05] | Hồ sơ khen thưởng giáo viên, nhân                                             | Năm học 2019-2020                                                                                     | Hiệu trưởng             | Nhân viên          |

|                         |   |             |                                                         |                                                                                                       |                                                |                      |
|-------------------------|---|-------------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------|
|                         |   |             | viên                                                    | Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024                      |                                                | văn thư              |
| <b>Tiêu chí<br/>1.8</b> | 1 | [H1-1.8-01] | Kế hoạch, Báo cáo tổng kết công tác<br>Kiểm tra nội bộ  | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Hiệu trưởng                                    | Nhân viên<br>văn thư |
|                         | 2 | [H1-1.8-02] | Giấy chứng nhận danh hiệu Tập thể lao<br>động xuất sắc. | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Ủy ban nhân<br>dân Thành<br>phố Hồ Chí<br>Minh | Nhân viên<br>văn thư |
| <b>Tiêu chí<br/>1.9</b> | 1 | [H1-1.9-01] | Báo cáo việc thực hiện quy chế dân chủ<br>hàng năm      | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023                      | Hiệu trưởng                                    | Nhân viên<br>văn thư |

|                      |   |              |                                                                      |                                                                                                       |                                           |                    |
|----------------------|---|--------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------|
|                      |   |              |                                                                      | Năm học 2023-2024                                                                                     |                                           |                    |
|                      | 2 | [H1-1.9-02]  | Kế hoạch giám sát của Công đoàn trong việc thực hiện Quy chế dân chủ | Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024                      | Ban Chấp hành công đoàn                   | Chủ tịch công đoàn |
| <b>Tiêu chí 1.10</b> | 1 | [H1-1.10-01] | Kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự tại trường học                      | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Hiệu trưởng                               | Nhân viên văn thư  |
|                      | 2 | [H1-1.10-02] | Phương án chữa cháy và cứu nạn cứu hộ                                | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Phòng cảnh sát chữa cháy huyện Bình Chánh | Hiệu trưởng        |
|                      | 3 | [H1-1.10-03] | Hồ sơ xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích  | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021                                                                | Hiệu trưởng                               | Nhân viên y tế     |

|  |   |              |                                                                                                        |                                                                                                       |             |                                 |
|--|---|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------------------------|
|  |   |              |                                                                                                        | Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024                                           |             |                                 |
|  | 4 | [H1-1.10-04] | Kế hoạch tổ chức thực hiện việc đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm trong trường học          | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Hiệu trưởng | Nhân viên y tế                  |
|  | 5 | [H1-1.10-05] | Kế hoạch phòng chống các tệ nạn xã hội trong nhà trường                                                | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Hiệu trưởng | Nhân viên y tế                  |
|  | 6 | [H1-1.10-06] | Hình ảnh hộp thư góp ý, số điện thoại của hiệu trưởng và bảo vệ trên cổng thông tin điện tử của trường | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Hiệu trưởng | Giáo viên<br>Tổng phụ trách Đội |

|  |    |              |                                                                                                              |                                                                                                       |                                    |                                    |
|--|----|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|
|  | 7  | [H1-1.10-07] | Quy chế phối hợp an ninh trật tự tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã                                      | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Công an xã<br>Vĩnh Lộc A           | Hiệu trưởng                        |
|  | 8  | [H1-1.10-08] | Báo cáo kết quả thực hiện an ninh trật tự an toàn trường học                                                 | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Hiệu trưởng                        | Nhân viên<br>văn thư               |
|  | 9  | [H1-1.10-09] | Hình ảnh học sinh vui chơi cùng với nhau trong đó có học sinh da màu                                         | Năm học 2021-2022                                                                                     | Giáo viên<br>Tổng phụ<br>trách Đội | Giáo viên<br>Tổng phụ<br>trách Đội |
|  | 10 | [H1-1.10-10] | Kế hoạch tổ chức các chuyên đề An toàn giao thông, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống dịch bệnh... | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Hiệu trưởng                        | Giáo viên<br>Tổng phụ<br>trách Đội |

|                         |    |              |                                                                                                              |                                                                                                       |                                        |                                    |
|-------------------------|----|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------|
|                         | 11 | [H1-1.10-11] | Hình ảnh tổ chức các chuyên đề An toàn giao thông, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống dịch bệnh... | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Hiệu trưởng                            | Giáo viên<br>Tổng phụ<br>trách Đội |
|                         | 12 | [H1-1.10-12] | Giấy chứng nhận trường đạt chuẩn về An ninh trật tự và Đơn vị văn hóa                                        | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Ủy ban nhân<br>dân huyện<br>Bình Chánh | Nhân viên<br>văn thư               |
| <b>Tiêu chí<br/>2.1</b> | 1  | [H2-2.1-01]  | Quyết định vào ngành, quyết định bổ nhiệm của hiệu trưởng                                                    | Năm học 200-2021                                                                                      | Ủy ban nhân<br>dân huyện<br>Bình Chánh | Nhân viên<br>văn thư               |
|                         | 2  | [H2-2.1-02]  | Quyết định vào ngành, quyết định bổ nhiệm của 02 phó hiệu trưởng                                             | Năm học 2020-2021                                                                                     | Ủy ban nhân<br>dân huyện<br>Bình Chánh | Nhân viên<br>văn thư               |
|                         | 3  | [H2-2.1-03]  | Các văn bằng chứng chỉ chuyên môn của hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng                                      | Năm học 2021-2022                                                                                     | Các trường<br>Đại học                  | Nhân viên<br>văn thư               |

|                     |   |             |                                                                      |                                                                                                       |                                            |                   |
|---------------------|---|-------------|----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-------------------|
|                     | 4 | [H2-2.1-04] | Hồ sơ đánh giá chuẩn hiệu trưởng; phó hiệu trưởng                    | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bình Chánh | Nhân viên văn thư |
|                     | 5 | [H2-2.1-05] | Các biên bản nhận xét góp ý cán bộ quản lý hàng năm vào cuối năm học | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Hội đồng sư phạm nhà trường                | Nhân viên văn thư |
| <b>Tiêu chí 2.2</b> | 1 | [H2-2.2-01] | Hồ sơ hợp đồng giáo viên                                             | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Hiệu trưởng                                | Nhân viên văn thư |
|                     | 2 | [H2-2.2-02] | Quyết định phân công Tổng phụ trách Đội                              | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022                                           | Hiệu trưởng                                | Nhân viên văn thư |

|                     |   |             |                                                              |                                                                                                       |             |                   |
|---------------------|---|-------------|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------|
|                     |   |             |                                                              | Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024                                                                |             |                   |
|                     | 3 | [H2-2.2-03] | Bảng tổng hợp trình độ Cán bộ, giáo viên, nhân viên hàng năm | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Văn thư     | Nhân viên văn thư |
|                     | 4 | [H2-2.2-04] | Hồ sơ đánh giá xếp loại giáo viên                            | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng       |
| <b>Tiêu chí 2.3</b> | 1 | [H2-2.3-01] | Quyết định phân công nhiệm vụ nhân viên                      | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Hiệu trưởng | Hiệu trưởng       |

|                     |   |             |                                            |                                                                                                       |                                         |                   |
|---------------------|---|-------------|--------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------|
|                     | 2 | [H2-2.3-02] | Hồ sơ đánh giá xếp loại nhân viên hàng năm | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Hiệu trưởng                             | Nhân viên văn thư |
|                     | 3 | [H2-2.3-03] | Văn bằng, chứng chỉ của nhân viên          | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Các trường trung cấp, cao đẳng, đại học | Nhân viên văn thư |
| <b>Tiêu chí 2.4</b> | 1 | [H2-2.4-01] | Thống kê độ tuổi học sinh hàng năm         | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Phó hiệu trưởng                         | Phó hiệu trưởng   |
|                     | 2 | [H2-2.4-02] | Thống kê phẩm chất năng lực học sinh       | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022                                           | Phó hiệu trưởng                         | Phó hiệu trưởng   |

|  |   |             |                                                            |                                                                                                       |                         |                                    |
|--|---|-------------|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------------------------|
|  |   |             |                                                            | Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024                                                                |                         |                                    |
|  | 3 | [H2-2.4-03] | Hồ sơ khám sức khoẻ học sinh                               | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Phòng khám<br>đa khoa   | Nhân viên<br>y tế                  |
|  | 4 | [H2-2.4-04] | Hồ sơ, hình ảnh Hội nghị “Lắng nghe<br>tiếng nói học sinh” | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2023-2024                                           | Hiệu trưởng             | Giáo viên<br>Tổng phụ<br>trách Đội |
|  | 5 | [H2-2.4-05] | Biên bản hoà giải với cha mẹ học sinh                      | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Ban tư vấn<br>học đường | Giáo viên<br>Tổng phụ<br>trách Đội |
|  | 6 | [H2-2.4-06] | Hồ sơ khen thưởng học sinh cuối năm                        | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022                                           | Hiệu trưởng             | Nhân viên<br>văn thư               |

|                         |   |             |                                                        |                                                                                                       |                                    |                                    |
|-------------------------|---|-------------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|
|                         |   |             |                                                        | Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024                                                                |                                    |                                    |
|                         | 7 | [H2-2.4-07] | Hình ảnh học sinh nhận thưởng cấp huyện, cấp thành phố | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Giáo viên<br>Tổng phụ<br>trách Đội | Giáo viên<br>Tổng phụ<br>trách Đội |
| <b>Tiêu chí<br/>3.1</b> | 1 | [H3-3.1-01] | Ảnh chụp khuôn viên có cây xanh trong trường           | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Giáo viên<br>Tổng phụ<br>trách Đội | Giáo viên<br>Tổng phụ<br>trách Đội |
|                         | 2 | [H3-3.1-02] | Ảnh chụp cổng trường, hàng rào xung quanh trường       | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Giáo viên<br>Tổng phụ<br>trách Đội | Giáo viên<br>Tổng phụ<br>trách Đội |

|                     |   |             |                                                                             |                                                                                                       |                              |                              |
|---------------------|---|-------------|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
|                     | 3 | [H3-3.1-03] | Bản vẽ tổng thể và từng khu của nhà trường                                  | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Hiệu trưởng                  | Nhân viên văn thư            |
|                     | 4 | [H3-3.1-04] | Hình chụp sân chơi                                                          | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Giáo viên Tổng phụ trách Đội | Giáo viên Tổng phụ trách Đội |
| <b>Tiêu chí 3.2</b> | 1 | [H3-3.2-01] | Hình ảnh lớp học                                                            | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Giáo viên Tổng phụ trách Đội | Giáo viên Tổng phụ trách Đội |
|                     | 2 | [H3-3.2-02] | Hình chụp khối phòng hành chính - quản trị và các trang bị trong từng phòng | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022                                           | Phó hiệu trưởng              | Phó hiệu trưởng              |

|                         |   |             |                                                             |                                                                                                       |                                    |                                    |
|-------------------------|---|-------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|
|                         |   |             |                                                             | Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024                                                                |                                    |                                    |
| <b>Tiêu chí<br/>3.3</b> | 1 | [H3-3.3-01] | Hình ảnh phòng tin học, phòng thiết bị, thư viện, phòng Đội | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Giáo viên<br>Tổng phụ<br>trách Đội | Giáo viên<br>Tổng phụ<br>trách Đội |
|                         | 2 | [H3-3.3-02] | Hình ảnh phòng hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, y tế...        | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Giáo viên<br>Tổng phụ<br>trách Đội | Giáo viên<br>Tổng phụ<br>trách Đội |
|                         | 3 | [H3-3.3-03] | Hình ảnh các nhà để xe                                      | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Giáo viên<br>Tổng phụ<br>trách Đội | Giáo viên<br>Tổng phụ<br>trách Đội |

|                         |   |             |                                                    |                                                                                                       |                                               |                                    |
|-------------------------|---|-------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------------------|
|                         | 4 | [H3-3.3-04] | Hình ảnh các tủ đựng hồ sơ                         | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Giáo viên<br>Tổng phụ<br>trách Đội            | Giáo viên<br>Tổng phụ<br>trách Đội |
| <b>Tiêu chí<br/>3.4</b> | 1 | [H3-3.4-01] | Hình ảnh các nhà vệ sinh                           | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Nhân viên<br>y tế                             | Nhân viên<br>y tế                  |
|                         | 2 | [H3-3.4-02] | Giấy kiểm nghiệm nước sạch;<br>Hồ sơ cấp nước sạch | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Bệnh viện<br>Bình Chánh,<br>Trung tâm y<br>tế | Nhân viên<br>y tế                  |
|                         | 3 | [H3-3.4-03] | Hộp đồng nước uống tinh khiết                      | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022                                           | Hiệu trưởng                                   | Nhân viên<br>kế toán               |

|                     |   |             |                                                         |                                                                                                       |                               |                               |
|---------------------|---|-------------|---------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
|                     |   |             |                                                         | Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024                                                                |                               |                               |
|                     | 4 | [H3-3.4-04] | Hợp đồng và hóa đơn thanh toán tiền dịch vụ thu gom rác | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Tổ thu gom rác                | Nhân viên y tế                |
| <b>Tiêu chí 3.5</b> | 1 | [H3-3.5-01] | Hợp đồng và hóa đơn thanh toán tiền dịch vụ Internet    | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Nhân viên kế toán             | Nhân viên kế toán             |
|                     | 2 | [H3-3.5-02] | Danh mục thiết bị dạy học của nhà trường                | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Nhân viên thư viện - thiết bị | Nhân viên thư viện - thiết bị |

|                         |   |             |                                                                           |                                                                                                       |                                     |                                     |
|-------------------------|---|-------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
|                         | 3 | [H3-3.5-03] | Sổ lưu chứng từ mua đồ dùng dạy học, hoá đơn thanh toán sửa chữa thiết bị | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Kế toán                             | Nhân viên<br>thư viện -<br>thiết bị |
|                         | 4 | [H3-3.5-04] | Danh mục, hình ảnh hội thi đồ dùng dạy học tự làm của giáo viên           | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Nhân viên<br>thư viện -<br>thiết bị | Nhân viên<br>thư viện -<br>thiết bị |
|                         | 5 | [H3-3.5-05] | Sổ mượn trả thiết bị                                                      | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Nhân viên<br>thư viện -<br>thiết bị | Nhân viên<br>thư viện -<br>thiết bị |
| <b>Tiêu chí<br/>3.6</b> | 1 | [H3-3.6-01] | Danh mục các loại sách, báo, tài liệu                                     | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022                                           | Nhân viên<br>thư viện               | Nhân viên<br>thư viện               |

|  |   |             |                                                                                                    |                                                                                                       |                       |                       |
|--|---|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|  |   |             |                                                                                                    | Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024                                                                |                       |                       |
|  | 2 | [H3-3.6-02] | Sổ theo dõi việc cho mượn sách                                                                     | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Nhân viên<br>thư viện | Nhân viên<br>thư viện |
|  | 3 | [H3-3.6-03] | Kế hoạch hoạt động thư viện<br>Kế hoạch, hình ảnh tổ chức các chuyên<br>đề, hội thi của thư viện   | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Nhân viên<br>thư viện | Nhân viên<br>thư viện |
|  | 4 | [H3-3.6-04] | Báo cáo sơ kết, tổng kết hoạt động thư<br>viện hàng năm<br>Biên bản kiểm tra thư viện của cấp trên | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Nhân viên<br>thư viện | Nhân viên<br>thư viện |

|                     |   |             |                                                                           |                                                                                                       |                              |                    |
|---------------------|---|-------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|--------------------|
|                     | 5 | [H3-3.6-05] | Danh mục sách báo, tài liệu được bổ sung cho thư viện nhà trường hàng năm | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Nhân viên thư viện           | Nhân viên thư viện |
|                     | 6 | [H3-3.6-06] | Giấy chứng nhận thư viện xuất sắc                                         | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Nhân viên thư viện           | Nhân viên thư viện |
| <b>Tiêu chí 4.1</b> | 1 | [H4-4.1-01] | Hồ sơ Ban đại diện cha mẹ học sinh                                        | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Ban đại diện cha mẹ học sinh | Hiệu trưởng        |
|                     | 2 | [H4-4.1-02] | Biên bản các cuộc họp cha mẹ học sinh các lớp                             | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022                                           | Ban đại diện cha mẹ học sinh | Hiệu trưởng        |

|                     |   |             |                                                                                                             |                                                                                                       |                              |                    |
|---------------------|---|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|--------------------|
|                     |   |             |                                                                                                             | Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024                                                                |                              |                    |
|                     | 3 | [H4-4.1-03] | Các hình ảnh hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh                                                     | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Ban đại diện cha mẹ học sinh | Hiệu trưởng        |
| <b>Tiêu chí 4.2</b> | 1 | [H4-4.2-01] | Danh sách học sinh, hình ảnh khó khăn nhận học bổng, quà của các mạnh thường quân                           | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Văn thư - Tổng phụ trách Đội | Tổng phụ trách Đội |
|                     | 2 | [H4-4.2-02] | Kế hoạch, hình ảnh tổ chức học sinh đi tham quan chăm sóc khu di tích Dân Công và thăm Mẹ Việt Nam Anh hùng | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Bí thư Chi đoàn              | Bí thư Chi đoàn    |

|                         |   |             |                                                                       |                                                                                                       |                          |                 |
|-------------------------|---|-------------|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------|
| <b>Tiêu chí<br/>5.1</b> | 1 | [H5-5.1-01] | Kế hoạch hoạt động chuyên môn theo từng năm học, học kỳ, tháng, tuần. | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Phó hiệu trưởng          | Phó hiệu trưởng |
|                         | 2 | [H5-5.1-02] | Kế hoạch giáo dục, lịch báo giảng của tổ chuyên môn                   | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Các tổ trưởng chuyên môn | Phó hiệu trưởng |
| <b>Tiêu chí<br/>5.2</b> | 1 | [H5-5.2-01] | Thời khóa biểu                                                        | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Phó hiệu trưởng          | Phó hiệu trưởng |
|                         | 2 | [H5-5.2-02] | Kế hoạch bài dạy, sổ dự giờ của giáo viên                             | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022                                           | Giáo viên                | Phó hiệu trưởng |

|  |   |             |                                                                                                            |                                                                                                       |                                       |                              |
|--|---|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------|
|  |   |             |                                                                                                            | Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024                                                                |                                       |                              |
|  | 3 | [H5-5.2-03] | Hệ thống quản lý giáo dục (cổng cơ sở dữ liệu)                                                             | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Phó hiệu trưởng                       | Phó hiệu trưởng              |
|  | 4 | [H5-5.2-04] | Kế hoạch Bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn của Phó Hiệu trưởng và tổ chuyên môn | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn | Phó hiệu trưởng              |
|  | 5 | [H5-5.2-05] | Các hình ảnh, giấy khen học sinh giải cao trong các hội thi cấp huyện, thành phố                           | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Giáo viên Tổng phụ trách Đội          | Giáo viên Tổng phụ trách Đội |
|  |   |             |                                                                                                            |                                                                                                       |                                       |                              |
|  |   |             |                                                                                                            |                                                                                                       |                                       |                              |

|                         |   |             |                                                                           |                                                                                                       |                              |                              |
|-------------------------|---|-------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| <b>Tiêu chí<br/>5.3</b> | 1 | [H5-5.3-01] | Các kế hoạch, hình ảnh các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp           | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Phó hiệu trưởng              | Phó hiệu trưởng              |
|                         | 2 | [H5-5.3-02] | Danh sách học sinh thường xuyên tham gia các câu lạc bộ ngoài giờ lên lớp | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Giáo viên Tổng phụ trách Đội | Giáo viên Tổng phụ trách Đội |
| <b>Tiêu chí<br/>5.4</b> | 1 | [H5-5.4-01] | Kế hoạch thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học của nhà trường               | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Hiệu trưởng                  | Hiệu trưởng                  |
|                         | 2 | [H5-5.4-02] | Quyết định phân công nhân viên làm công tác phổ cập                       | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022                                           | Hiệu trưởng                  | Nhân viên văn thư            |

|                         |   |             |                                                               |                                                                                                       |                    |                      |
|-------------------------|---|-------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------|
|                         |   |             |                                                               | Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024                                                                |                    |                      |
|                         | 3 | [H5-5.4-03] | Hồ sơ tuyển sinh lớp 1                                        | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Hiệu trưởng        | Nhân viên<br>văn thư |
| <b>Tiêu chí<br/>5.5</b> | 1 | [H5-5.5-01] | Bảng thống kê kết quả đánh giá, xếp<br>loại học sinh hàng năm | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Phó hiệu<br>trưởng | Phó hiệu<br>trưởng   |
|                         | 2 | [H5-5.5-02] | Hồ sơ xét duyệt hoàn thành chương<br>trình tiểu học           | Năm học 2019-2020<br>Năm học 2020-2021<br>Năm học 2021-2022<br>Năm học 2022-2023<br>Năm học 2023-2024 | Hiệu trưởng        | Nhân viên<br>văn thư |